



Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam **Báo cáo kỹ thuật**

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA), thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Tổ chức nộp

Chữ Thập Đỏ

Tháng 8/2014



**American
Red Cross**



Ấn phẩm này được soạn thảo cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ thông qua Hiệp định hợp tác số AID-486-A-12-00009.

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam là một dự án nhằm giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự án sẽ đưa vào thực hiện các chính sách và chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển phát thải thấp, tập trung vào giảm lượng khí thải từ ngành lâm nghiệp và nông nghiệp, tăng cường sinh kế và định cư thích hợp với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Giải quyết các rủi ro biến đổi khí hậu dài hạn và các lỗ hổng về giới trong cảnh quan rừng và đồng bằng là những mục tiêu chính của dự án.

Ấn phẩm này được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	1
Ghi nhớ của các bên liên quan	2
Tóm lược kết quả nghiên cứu của báo cáo	3
Giải thích thuật ngữ, viết tắt trong báo cáo	5
1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu	9
1.1.1. Tỉnh Nam Định.....	9
1.1.2. Thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	10
1.2. Tài nguyên thiên nhiên	10
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển	11
1.4. Cơ sở hạ tầng	12
1.5. Dân cư	13
1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội	14
1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội	15
1.7.1. Kinh tế.....	15
1.7.2. Xã hội.....	18
2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) theo 5 hợp phần	19
2.1. Sinh kế	19
2.2. Điều kiện sống cơ bản	21
2.3. Sự tự bảo vệ của hộ dân	21
2.4. Sự bảo vệ xã hội	23
2.5. Tổ chức xã hội/ chính quyền	23
3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương	24
3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội	24
3.1.1. Các loại hiểm họa, thiệt hại, xu hướng biến động	24
3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần	25
4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro	25
4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng	25
4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương	26
4.3. Nguyên nhân	27

4.3.1. Vấn đề 1	27
4.3.2. Vấn đề 2	27
4.3.3. Vấn đề 3	27
4.3.4. Vấn đề 4	28
4.3.5. Vấn đề 5	28
4.3.6. Vấn đề 6	28
4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro	28
5. Kết luận và khuyến nghị	28
5.1. Kết luận 1	28
5.2. Kết luận 2	30
5.3. Kết luận 3	31
5.4. Kết luận 4	32
5.5. Kết luận 5	32
5.6. Kết luận 6	33
Tài liệu tham khảo	35
Phụ lục	36

LỜI GIỚI THIỆU

Dự án “Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu ở rừng và đồng bằng Việt Nam” (viết tắt là dự án “Rừng và đồng bằng Việt Nam” hay VFD) do Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, được triển khai tại 4 tỉnh: Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An trong thời gian 5 năm, từ 2013 - 2017. Mục tiêu chung của dự án là thúc đẩy sự chuyển đổi của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) để phát triển bền vững và hạn chế phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện Kế hoạch Quốc gia về BĐKH và Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh. Dự án VFD do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan chủ quản với sự tham gia chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân 4 tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An; các đối tác hỗ trợ kỹ thuật gồm có: Tổ chức Winrock International, Tổ chức Phát triển Hà Lan, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững. Dự án có 3 hợp phần: “Cảnh quan bền vững”, “Thích ứng BĐKH”, “Điều phối và chính sách”. Trong đó, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững, Tổ chức Phát triển Hà Lan cùng với 2 tỉnh đồng bằng là Nam Định và Long An phối hợp thực hiện chủ yếu hợp phần “Thích ứng BĐKH” nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH của người dân và Chính quyền địa phương; trang bị công cụ và khả năng tiếp cận của người dân với cách thức chuyển đổi sinh kế ở vùng đồng bằng để tăng cường khả năng chống chịu với các rủi ro trước mắt và lâu dài của BĐKH. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (tên viết tắt tiếng Anh là VCA) do các cấp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện từ năm 2010 đến nay là hoạt động cơ bản và cần thiết trước khi có những hành động can thiệp tiếp theo nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại cộng đồng. Thông qua hoạt động này, Chính quyền cùng với người dân sẽ xác định được tình trạng dễ bị tổn thương cũng như năng lực ứng phó của họ khi phải đối mặt với những rủi ro tự nhiên và xã hội cũng như những thách thức của BĐKH. Thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy được chọn là 1 trong 30 xã thuộc địa bàn dự án của tỉnh Nam Định. Đây là Thị trấn ven biển, có mức sống khá (thu nhập bình quân 25 triệu đồng/người/năm) so với các xã, thị trấn khác của huyện Giao Thủy. Kinh tế của Thị trấn Quất Lâm khá đa dạng, gồm làm muối, trồng lúa, trồng màu, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, dịch vụ công thương, dịch vụ du lịch..., nhưng nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh chịu rủi ro thiên tai và tác động của BĐKH.

Báo cáo kết quả đánh giá VCA được trình bày sau đây là tài liệu giúp Chính quyền, các ngành liên quan và các tổ chức, cá nhân có cái nhìn cụ thể về điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu ưu tiên cần giải quyết và đề xuất giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh BĐKH tại thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Những thông tin thu được trong báo cáo là cơ sở góp phần giúp Chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH một cách chủ động và hiệu quả. Báo cáo cũng có thể sử dụng như 1 công cụ để Chính quyền xã kêu gọi đầu tư, tài trợ vốn nhằm hỗ trợ xây dựng một cộng đồng an toàn và bền vững hơn trong tương lai.

HỘI CHỮ THẬP ĐỎ VIỆT NAM

GHI NHỚ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Hoạt động Đánh giá VCA tại thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định diễn ra từ ngày 09 đến ngày 13 tháng 8 năm 2014 được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tập huấn viên cấp Quốc gia Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các Cán bộ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam”.

Kết thúc 5 ngày đánh giá với sự tham gia tích cực của hơn 432 người dân và lãnh đạo Chính quyền thị trấn Quất Lâm, Nhóm đánh giá đã phác thảo báo cáo VCA. Qua thời gian làm việc của Chính quyền địa phương và Nhóm đánh giá đã chỉnh sửa và thông qua Báo cáo chính thức đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA).

Các bên liên quan thừa nhận bản Báo cáo VCA này là 1 tài liệu quan trọng để làm căn cứ cho các hoạt động tiếp theo của dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” cũng như các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính quyền thị trấn Quất Lâm trong thời gian tới.

UBND thị trấn Quất Lâm

**Nhóm đánh giá VCA
Trưởng nhóm**

Hoàng Thị Huyền

UBND huyện Giao Thủy

**Hội Chữ thập đỏ Nam Định
Phó Chủ tịch**

Phạm Minh Phương

TÓM LƯỢC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA BÁO CÁO

Trong khuôn khổ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” do USAID tài trợ, thị trấn Quát Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định là 1 thị trấn thuộc địa bàn được triển khai dự án. Để đảm bảo các hoạt động tiến hành tại thị trấn phù hợp với tình hình thực tế, khả năng, nguồn lực cũng như hạn chế những điểm yếu đang tồn tại ở địa phương, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng tại thị trấn làm tiền đề cho các hoạt động khác diễn ra nối tiếp đạt được kết quả cao hơn.

Đợt đánh giá VCA tiến hành từ ngày 09 đến ngày 13 tháng 8 năm 2014 được thực hiện bởi Nhóm đánh giá gồm 6 người là Hướng dẫn viên VCA của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Nam Định cùng với sự giúp đỡ của nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Trong thời gian 5 ngày đoàn đánh giá đã tiến hành 14 cuộc họp với Chính quyền địa phương và người dân tại 17 tổ dân phố, tổng số người tham gia là 432 người (trong đó có 219 nữ, chiếm 50,6%); có 399 người dự họp, phỏng vấn cấu trúc (bộ câu hỏi) 20 người và phỏng vấn bán cấu trúc 13 người.

Bằng cách sử dụng các công cụ đánh giá đã được chuẩn hóa trong đánh giá VCA như: SWOT, Lịch mùa vụ, Phân tích sinh kế, Bản đồ rủi ro hiểm họa, Hồ sơ lịch sử, Sơ đồ Venn... thông qua các cuộc họp lấy ý kiến của người dân và Chính quyền địa phương, Nhóm đánh giá đã phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng cũng như rủi ro mà người dân đang sinh sống tại địa phương phải đối mặt.

Qua quá trình thu thập và phân tích thông tin, Nhóm đánh giá đã phát hiện ra các vấn đề chính tại địa phương ở các lĩnh vực an toàn, sản xuất kinh doanh và sức khỏe, môi trường như sau:

Vấn đề 1: Người dân lo lắng về an toàn tính mạng và tài sản trong mùa mưa bão, nhất là bão lớn /siêu bão và nước biển dâng (thị trấn có vị trí giáp biển, tuyến đê biển dài 3,2 km không có khả năng chống chịu bão gió trên cấp 10 và dễ bị sạt lở; cốt nền các ki ốt khu dịch vụ du lịch tắm biển thấp; nhà ở của dân bán kiên cố và xuống cấp nhiều; thông tin cảnh báo sớm, kiến thức, kinh nghiệm, điều kiện, phương tiện về phòng ngừa ứng phó thiên tai của lực lượng tìm kiếm cứu hộ cứu nạn và người dân còn hạn chế).

Vấn đề 2: Bãi biển chưa có trạm cứu hộ, phương tiện và lực lượng cứu hộ khiến người dân lo lắng rủi ro đuối nước dẫn đến thiệt hại tính mạng (bãi tắm dài, có đoạn biển sâu chưa có biển cảnh báo, số lượng khách du lịch tham gia tắm biển đông, phần lớn người tham gia tắm biển không biết bơi, trẻ em tham gia tắm biển thiếu sự quản lý người lớn).

Vấn đề 3: Làm muối là nghề truyền thống của địa phương khó khăn, thu nhập thấp (chịu nhiều tác động thời tiết khắc nghiệt, nắng mưa thất thường, giá muối thấp, thiếu ảnh hưởng đời sống, khiến người làm muối muốn bỏ nghề).

Vấn đề 4: Chăn nuôi gia súc, gia cầm chưa có lãi, chịu rủi ro chết vật nuôi, thua lỗ (chăn nuôi ngày càng đa dạng vật nuôi, một số hộ chăn nuôi gia trại đang đối mặt với dịch bệnh, giá cả bấp bênh, thua lỗ dẫn đến bỏ trống chuồng trại).

Vấn đề 5: Trồng lúa tại địa phương diện tích không nhiều manh mún thường bị thiệt hại giảm năng suất, mất mùa (đổi mặt với thách thức về thời tiết khắc nghiệt, sâu bệnh, nhiễm mặn giảm năng suất).

Vấn đề 6: Nuôi trồng thủy hải sản đổi mặt rủi ro cao, mất vốn (chịu tác động bão, lụt, ô nhiễm môi trường, chưa chủ động con giống chất lượng, thường bị dịch bệnh chết tôm, cá).

Vấn đề 7: Khai thác đánh bắt hải sản thu nhập có xu hướng giảm dần, một bộ phận người dân không yên tâm duy trì đánh bắt hải sản (nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt, thiên tai gió bão ảnh hưởng đánh bắt).

Dựa vào ý kiến người dân, trong báo cáo này Nhóm đánh giá đề xuất các giải pháp để Chính quyền địa phương và người dân tại thị trấn cùng xem xét giải quyết những khó khăn, thách thức mà địa phương đang phải đối mặt. Để giải quyết được các nhóm vấn đề này cần có sự đồng thuận, sự phối hợp hành động thiết thực, đồng bộ của Chính quyền địa phương cũng như người dân và sự hỗ trợ từ cấp trên, từ các chương trình dự án.

Báo cáo VCA đã được thông qua tại cuộc họp các ban, ngành thị trấn Quất Lâm ngày 13 tháng 8 năm 2014 và được Chính quyền thị trấn thống nhất với những kết luận mà Nhóm đánh giá đã đưa ra sau thời gian làm việc tại địa phương.

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ, VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

1. Khái niệm đánh giá VCA

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó (tên tiếng Anh Vulnerability and Capacity Assessment, viết tắt là VCA) gồm 1 quá trình thu thập và phân tích thông tin về các hiểm họa mà người dân ở địa phương phải đối mặt, mức độ khác nhau của tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với các hiểm họa xảy ra đơn lẻ hoặc đồng thời, và khả năng phục hồi sau đó.

Mục đích chính của VCA là cho phép cộng đồng xác định và hiểu rõ tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó của họ và các hiểm họa mà họ phải đối mặt. Việc này giúp xác định các ưu tiên ở địa phương để giảm tình trạng dễ bị tổn thương quanh họ và phát triển năng lực của cộng đồng.

2. Các thuật ngữ sử dụng trong VCA

Tình trạng dễ bị tổn thương (viết tắt là TTDBTT): Là phạm vi một cá nhân, cộng đồng, cơ cấu, hoạt động dịch vụ hoặc một vùng địa lý dễ bị thiệt hại hoặc gián đoạn do tác động của một hiểm họa cụ thể. Đơn giản hơn đó là những đặc điểm yếu, thiếu, kém, không an toàn sẽ làm tăng mức độ thiệt hại của cá nhân, cộng đồng khi xảy ra hiểm họa.

Khả năng (viết tắt là KN): Là các nguồn lực và kỹ năng mà người dân sở hữu, có thể phát triển, huy động hoặc tiếp cận nhằm cho phép họ ứng phó, chống chịu với những hiểm họa có thể xảy ra. Khả năng có thể là tài sản vật chất, là các kỹ năng của cá nhân, cộng đồng hoặc các hệ thống phúc lợi quốc gia.

Hiểm họa (viết tắt là HH): Là hiện tượng tự nhiên hoặc do con người có thể gây thiệt hại về vật chất, mất mát về kinh tế, hoạt động đe dọa cuộc sống và chất lượng cuộc sống của con người nếu nó xảy ra.

Rủi ro (viết tắt là RR): Là những mất mát tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, sinh kế, tài sản và dịch vụ mà có thể xảy ra đối với một cộng đồng hoặc xã hội trong một khoảng thời gian xác định trong tương lai.

Thảm họa: Là một sự gián đoạn nghiêm trọng sự vận hành chức năng của một xã hội, gây ra mất mát lớn về người, vật chất và môi trường, vượt quá khả năng chống chịu bằng nội lực của cộng đồng bị tác động.

SWOT: Là từ viết tắt tiếng Anh xuất phát từ 4 chữ (strengths, weaknesses, opportunities, threats), có nghĩa là (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức). Đây là phương pháp phân tích một vấn đề dựa trên 4 khía cạnh nhằm tìm ra những điểm mạnh cũng như điểm yếu hiện tại và trong tương lai mà cộng đồng có thể sử dụng để đối mặt với vấn đề đó.

Biến đổi khí hậu (viết tắt là *BĐKH*): Là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định từ tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm. Sự biến đổi có thể là thay đổi thời tiết bình quân hay thay đổi sự phân bố các sự kiện thời tiết quanh một mức trung bình. Sự biến đổi khí hậu có thể giới hạn trong một vùng nhất định hay có thể xuất hiện trên toàn địa cầu.

3. Quy trình thực hiện VCA

Hoạt động đánh giá VCA được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong 5 ngày. Nhóm đánh giá VCA bao gồm 6 hướng dẫn viên được đào tạo, các cán bộ hỗ trợ kỹ thuật và cán bộ hỗ trợ hậu cần. Năm bước tiến hành VCA gồm có:

- Bước 1: Chuẩn bị và lập kế hoạch đánh giá VCA
- Bước 2: Thu thập thông tin bằng cách sử dụng các công cụ trong VCA
- Bước 3: Phân tích và kiểm chứng các thông tin thu được từ cộng đồng
- Bước 4: Lập kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro
- Bước 5: Báo cáo và giám sát hỗ trợ việc thực hiện

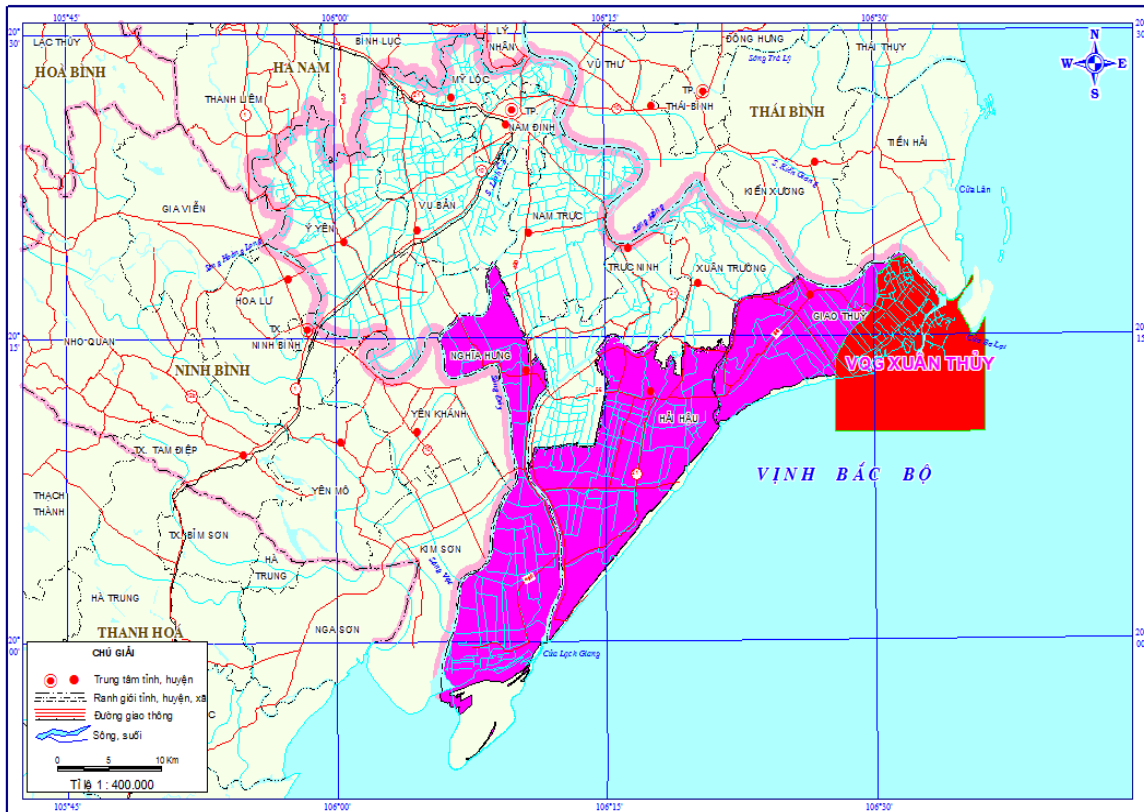
4. Kết quả mong đợi của đánh giá VCA

Huy động sự tham gia của lãnh đạo Chính quyền thị trấn, người dân tại các tổ dân phố 432 người. Thông qua các cuộc họp phỏng vấn, làm việc nhóm để nâng cao năng lực của cộng đồng dân cư. Kết thúc 5 ngày Nhóm đánh giá VCA đã thu được bản phác thảo kết quả báo cáo VCA. Cam kết của Chính quyền thị trấn, huyện về việc sử dụng kết quả báo cáo VCA vào các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và phòng chống thiên tai của địa phương.

1. Các thông tin cơ bản về thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu

1.1.1. Tỉnh Nam Định



Bảng 1. Bản đồ tỉnh Nam Định

Nam Định là một tỉnh ven biển phía Đông Nam đồng bằng châu thổ Sông Hồng, tọa độ địa lý từ 19 độ 55 phút đến 20 độ 16 phút vĩ độ bắc và 106 độ đến 106 độ 33 phút kinh độ đông. Phía Đông giáp tỉnh Thái Bình, phía Tây giáp tỉnh Ninh Bình, phía Nam và Đông Nam giáp biển Đông, phía Bắc giáp tỉnh Hà Nam. Nam Định nằm trong vùng ảnh hưởng của khu vực tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cách thủ đô Hà Nội 90 km, cách cảng Hải Phòng 100 km, đó là các trọng điểm kinh tế lớn trong giao lưu, tiêu thụ hàng hóa, trao đổi kỹ thuật, công nghệ, thông tin và kinh nghiệm quản lý kinh doanh.

Các đặc điểm khí hậu cơ bản

Cũng như các tỉnh trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, Nam Định mang khí hậu chí tuyến gió mùa ẩm, có thời tiết bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình trong năm từ 23 - 28°C. Tháng lạnh nhất là các tháng 12 và tháng 1, với nhiệt độ trung bình từ 16 - 17°C. Nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ khoảng trên 29°C. Lượng mưa trung bình trong năm từ 1.750 - 1.800 mm, chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa ít mưa từ tháng 11 đến tháng

2 năm sau. Số giờ nắng trong năm: 1.650 – 1.700 giờ. Độ ẩm trung bình: 80 - 85%. Mặt khác, do nằm trong vùng vịnh Bắc Bộ nên hằng năm Nam Định thường chịu ảnh hưởng của bão hoặc áp thấp nhiệt đới, bình quân từ 4 - 6 cơn/năm. Thủy triều tại vùng biển Nam Định thuộc loại nhật triều, biên độ triều trung bình từ 1,6 - 1,7 m; lớn nhất là 3,31 m và nhỏ nhất là 0,11 m.

1.1.2. Thị trấn Quát Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định



Bảng 2. Bản đồ hình chính thị trấn Quát Lâm

Quát Lâm là thị trấn nằm phía Tây Nam huyện Giao Thủy, cách trung tâm huyện 18 km. Phía Đông giáp xã Giao Phong, phía Tây giáp huyện Hải Hậu, phía Nam giáp biển, phía Bắc giáp xã Giao Thịnh. Thị trấn Quát Lâm có những đặc điểm thời tiết khí hậu tương đồng so với thời tiết chung của tỉnh Nam Định.

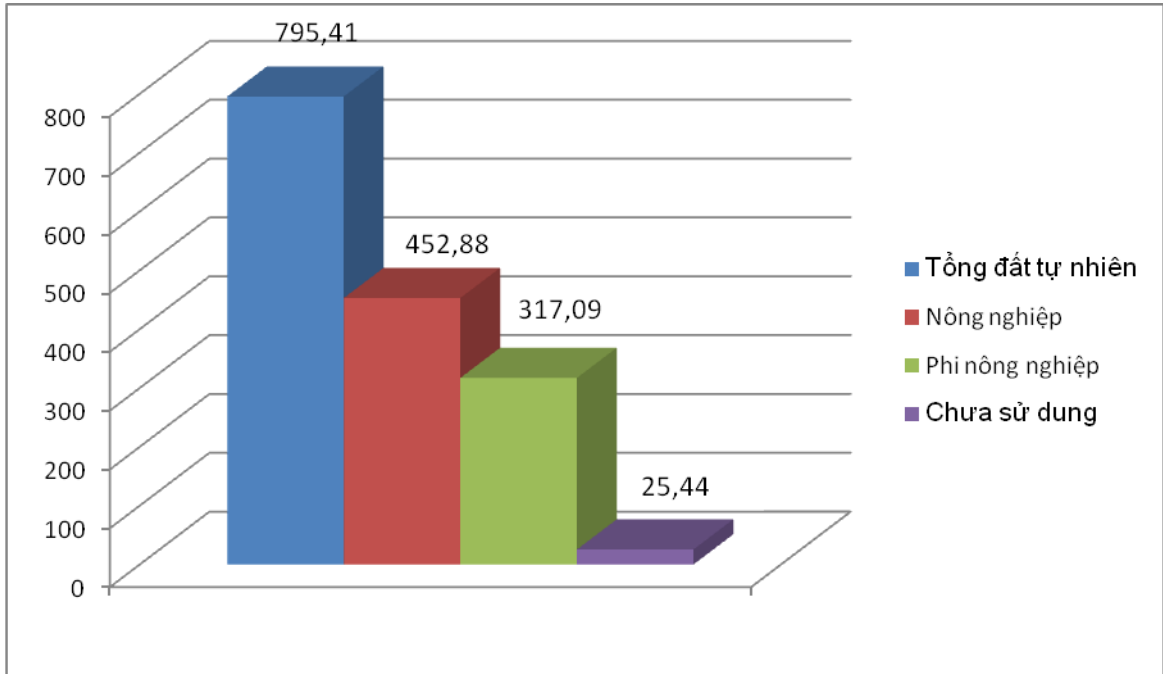
1.2. Tài nguyên thiên nhiên

Thị trấn có tổng diện tích đất tự nhiên 795,41 ha, trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp 452,88 ha (nuôi trồng thủy sản 79,9 ha, trồng lúa 17,45 ha, đất làm muối 147,20 ha, đất lâm nghiệp 54,58 ha, đất trồng cây lâu năm 139,58 ha).

- Đất phi nông nghiệp: 317,09 ha.

- Đất chưa sử dụng: 25,44 ha.



Bảng 3. Biểu đồ diện tích sử dụng đất, đơn vị tính ha

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển

Thị trấn Quát Lâm từ xưa là vùng bãi bồi do phù sa lưu lượng sông Hồng và lịch sử ban đầu là xã Giao Lâm. Từ tháng 11 năm 2003 đến nay là thị trấn Quát Lâm, gồm 17 tổ dân phố: Lâm Hòa, Bình Trung, Lâm Chính, Lâm Hạ, Lâm Thượng, Lâm Tân, Lâm Khang, Lâm Sơn, Lâm Quý, Lâm Dũng, Lâm Tiến, Lâm Thọ, Lâm Ninh, Linh Tiến, Còn Tàu Đông, Còn Tàu Tây, Còn Tàu Nam. Trong đó có 7 tổ dân phố giáp biển là Lâm Hòa, Bình Trung, Lâm Chính, Lâm Hạ, Còn Tàu Đông, Còn Tàu Tây và Còn Tàu Nam. Thị trấn Quát Lâm có 3 HTX, HTX Hòa Bình có: 6 tổ dân phố là Lâm Hòa, Bình Trung, Lâm Chính, Lâm Hạ, Lâm Thượng và Lâm Tân; HTX Thống Nhất có 8 tổ dân phố: Lâm Quý, Lâm Sơn, Lâm Dũng, Lâm Tiến, Lâm Thọ, Lâm Khang, Linh Tiến, Lâm Ninh; HTX Còn Tàu có 3 tổ dân phố: Còn Tàu Đông, Còn Tàu Nam và Còn Tàu Tây (chủ yếu làm muối, nuôi trồng thủy sản và trồng màu).

Thị trấn Quát Lâm không thuộc diện thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 1, nhưng địa phương chủ động triển khai từ năm 2010, cơ sở hạ tầng được huy động nhiều nguồn lực để xây dựng khá tốt:

Về giao thông có tuyến đường tỉnh lộ 486 ra bãi biển dài 2,1 km và đường trục thị trấn 8,2 km được lát nhựa. Tuyến đường giáp biển (đê 1) dài 3/3,2 km được bê tông kiên cố ngăn nước biển và phục vụ thăm quan, nghỉ mát. Thực hiện phương châm “Nhân dân làm Nhà nước hỗ trợ”, nhân dân đóng góp 80% kinh phí bê tông kiên cố 13,3/15 km đường trục tổ dân phố, giá trị mỗi năm hơn 1 tỷ đồng; đóng góp công tu bổ 20,5 km đường nội đồng, phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế. Năm 2013 làm đường bê tông, rãnh thoát nước các tổ dân phố Lâm Quý, Lâm Dũng, Bình Trung, Lâm Hạ, Cồn Tàu Đông dài 1.772 m (đường dài 996 m, rãnh dài 776 m) trị giá 853,6 triệu đồng, trong đó dân góp 727,3 triệu đồng.

Thủy lợi có 40 km kênh mương cấp 1, 2, 3 (trong đó kênh mương nội đồng 30 km) phục vụ việc tưới tiêu, phát triển dân sinh. Trong năm 2013, nhân dân góp 84,3 triệu để sửa cầu qua sông Lộc Ninh, nạo vét đầu cầu sau mưa bão thuộc HTX Hòa Bình; xây cống tiêu thủy sản, đổ mặt cầu đi lại thuộc HTX Thống Nhất; Làm mới 2 cầu Dây, đổ 10 mặt cầu, xây cống tiêu ngọt, nạo vét sông tiêu thuộc HTX Cồn Tàu.

Hệ thống điện lưới thị trấn khép kín địa bàn tổ dân phố với 8 trạm biến áp 0,4 KV, có công suất 1.190 KVA, 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.

Cơ sở trường học Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được xây dựng nhà tầng kiên cố. Trường Mầm non có 2 khu vực nhà 2 tầng; Trường Tiểu và Trường Trung học cơ sở 3 tầng.

Thị trấn có 1 chợ đặt khu du lịch được xây dựng trung tâm với diện tích rộng rãi, có mái che, khu vực vệ sinh tự hoại khép kín thuận lợi cho buôn bán phục vụ đời sống dân sinh cho cả các xã phía tây nam huyện giao thủy theo hướng đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ du lịch thương mại.

Trụ sở thị trấn nhà tầng kiên cố, khang trang đóng trên địa bàn trung tâm thuận lợi cho phục vụ công dân. Đến nay, có 13/17 Nhà văn hóa tổ dân phố do nhân dân đóng góp xây dựng (kinh phí ngân sách hỗ trợ 30 triệu), tính theo thời điểm xây dựng cách đây vài năm giá thị từ 400 đến 600 triệu/nhà. Các tổ dân phố Lâm Dũng, Lâm Chính, Bình Trung, Lâm Sơn chưa có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt tổ dân phố tại các HTX thuộc địa bàn.

Trạm y tế thị trấn xây dựng theo kết cấu nhà cấp 4 đã lâu năm đang xuống cấp khó khăn cho khám chữa bệnh nhân dân.

Thị trấn có 3 điểm Bưu điện văn hóa đáp ứng nhu cầu internet và đọc báo của nhân dân, tỷ lệ hộ dân có điện thoại liên lạc chiếm 98%.

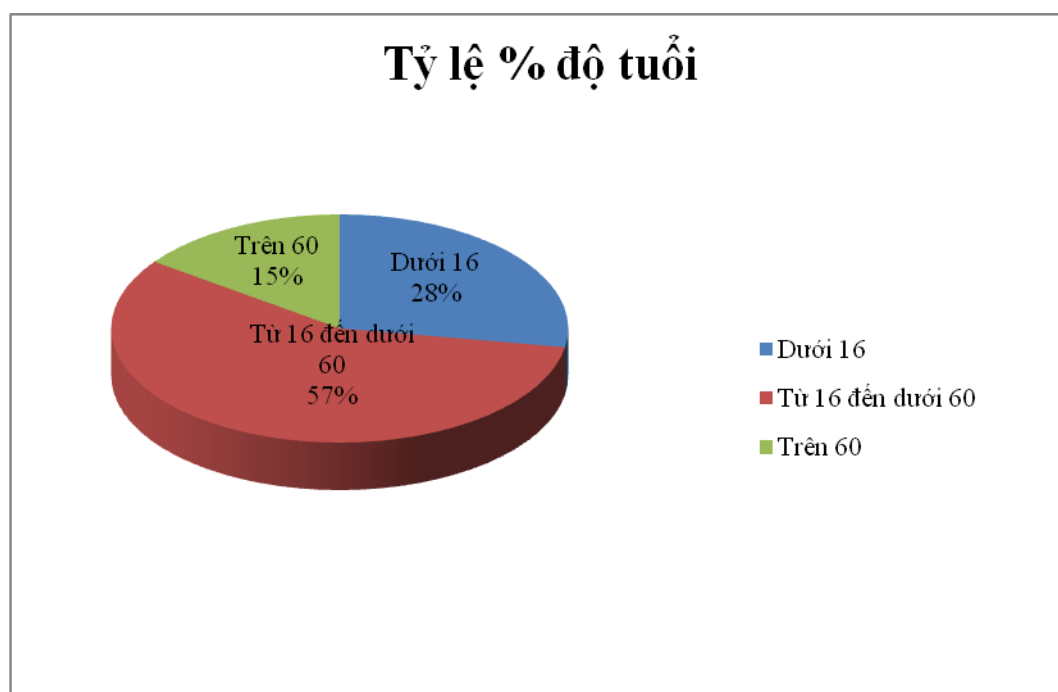
Nhà hộ dân ngày được khang trang sạch đẹp, an toàn trước thiên tai, tỷ lệ nhà ở kiên cố chiếm 75,3% (trong có 1/2 nhà tầng), nhà bán kiên cố giảm dần, hiện còn 16,9% (trong đó có 5% nhà xuống cấp). Nhân dân có cơ hội sử dụng nước

sạch bằng nước giếng khoan để ăn uống và sinh hoạt, hằng năm được cơ quan chức năng xét nghiệm mẫu nước tỷ lệ tạp chất cho phép, có 100 % sử dụng nước giếng khoan (75,3% hộ có giếng khoan, 24,7% hộ sử dụng chung). Số hộ khá giả mua sắm thêm thiết bị lọc nước, xây bể lọc nước (30% hộ có thiết bị lọc nước, 70% hộ có bể dự trữ nước mưa để uống). Nhận thức về vệ sinh nước sạch của người dân trong thị trấn Quất Lâm được nâng lên, tỷ lệ hộ dân sử dụng nhà vệ sinh tự hoại chiếm 80%., đại bộ phận hộ tham gia thu gom rác thải theo kế hoạch về bãi tập trung cách xa khu dân cư, bước đầu có tổ chức phân loại xử lý rác thải, các tổ dân phố đã lắp đặt thùng rác thải.

Trên địa bàn thị trấn có 9 cơ sở thờ tự tôn giáo, gồm 1 nhà xứ, 5 nhà thờ họ lẻ và 2 đền, 1 chùa đáp ứng nhu cầu tự do tín ngưỡng của người dân.

1.5. Dân cư

Dân cư thị trấn được phân bố 17 tổ dân phố, đến ngày 31/12/2013:2845 hộ với 10.75 nhân khẩu (5.509 nữ, 5248 nam). Cơ cấu độ tuổi, trẻ em dưới 16 tuổi: 2.967; từ 16 tuổi đến dưới 60: 6.131; người già: 1.659 (80 tuổi trở lên có 178); người khuyết tật: 126. Tỷ lệ hộ nghèo: 2,93% (60 hộ, 248 khẩu); Tỷ lệ hộ cận nghèo: 9,14% (178 hộ, 556 khẩu). Dân tộc: chủ yếu dân tộc Kinh. Tôn giáo: có 2.319 người theo đạo Thiên Chúa giáo chiếm 23%; 806 người theo Phật giáo chiếm 8%.



Bảng 4. Biểu đồ độ tuổi lao động

Về dân số nêu trên của địa phương cung cấp cho thấy hiện tại có nữ nhiều hơn nam giới 2% (nữ 51%, nam 49%). Sự chênh lệch giới trong thời gian dài có

thể số lượng về giới nhiều hơn nghiêng về nữ hoặc nam với tỷ lệ vài % là bình thường. Nhưng theo thông tin từ bà Nguyễn Thị Mai Tuyết, Chủ tịch Hội Phụ nữ thị trấn cho biết hiện tại đối với trẻ sơ sinh mới đây, có tỷ lệ bé trai cao hơn bé gái 1,06% (106 nam/100 nữ) thì đây là mức sinh cần báo động sự chênh lệch giới tính nam nhiều hơn nữ trong tương lai. Theo các chuyên gia cảnh báo trong 15 – 20 năm nữa, sẽ có rất nhiều nam giới khó lấy vợ, đồng thời gia tăng nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ, tảo hôn... Do vậy, nếu không làm tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình gắn với nâng cao nhận thức về bình đẳng giới thì trong vòng 10, 20 năm tới khoảng cách chênh lệch giới nam so với nữ của địa phương sẽ rất lớn và hậu quả khó lường. Số người già, trẻ em, người khuyết tật là đối tượng dễ bị tổn thương của thị trấn chiếm hơn 43% không phải là ít. Nên cần được quan tâm nâng cao nhận thức, tạo sự tham gia của họ trong việc lập và thực hiện kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là việc làm có ý nghĩa.

1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội

Thị trấn Quất Lâm có tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể - Tổ chức xã hội đến 17 tổ dân phố hoạt động hiệu quả, có 22 định biên chuyên trách, cán bộ có 7 đại học, 15 trung cấp. Lãnh đạo UBND xã gồm có 1 Chủ tịch, 2 Phó chủ tịch và các cán bộ chuyên môn các lĩnh vực. Bên cạnh đó còn có các Cán bộ bán chuyên trách thị trấn và các tổ dân phố đảm nhận công việc theo quy định của Nhà nước. Các tổ chức Đoàn thể chính trị - xã hội có các chương trình hành động góp phần thực hiện chương trình phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh địa phương. Mặt trận tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ đều có Cán bộ lãnh đạo tham gia Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn của thị trấn. Phương án phòng ngừa ứng phó thiên tai tìm kiếm cứu hộ cứu nạn hàng năm của thị trấn được xây dựng và triển khai thực hiện chi tiết cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa sự thiệt hại về người, tài sản, sinh kế và môi trường sống. Mặt trận và các đoàn thể đã tổ chức nhiều cuộc vận động, phong trào vì người nghèo, xây dựng các quỹ giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an toàn. Vận động nhân dân nâng cao nhận thức về phòng ngừa ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; giúp đỡ sơ tán dân, thực hiện tốt công tác hậu cần tại các điểm sơ tán dân và lực lượng cứu hộ cứu nạn khi có thiên tai. Nổi bật như: Hội Phụ nữ vận động góp vốn 300 triệu đồng giúp cho 157 hội viên phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững; Hội Nông dân vận động gây quỹ 300 triệu hỗ trợ nông dân nghèo, phát triển kinh tế hộ, nâng cao đời sống, sửa chữa chỗ ở an toàn hơn; Hội Cựu chiến binh xây dựng quỹ tình nghĩa, giúp đỡ đồng đội phát triển kinh tế gia đình, cải thiện đời sống, dự trữ lương thực, mua sắm các phương tiện, thiết bị phòng ngừa thiên tai nhiều hơn; các cá nhân tổ chức trên địa bàn có những đóng góp tích cực cho việc xã hội hóa, an

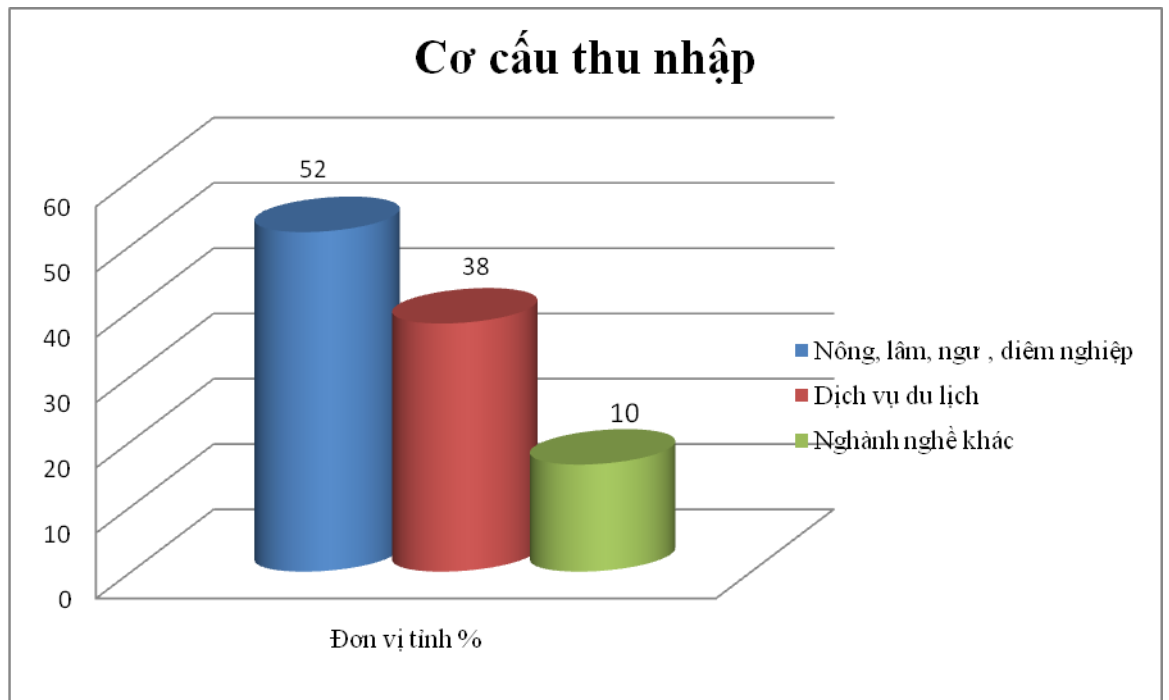
sinh xã hội, góp phần sớm phục hồi khắc phục thiên tai, như Doanh nghiệp Tám Lan, Quang Sung, Hưng Thịnh, Chùa Phúc Lâm ủng hộ lương thực, thực phẩm cứu trợ nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai... Những hoạt động xóa đói giảm nghèo, giúp đỡ các đối tượng hoạn nạn, khó khăn của các tổ chức, cá nhân khác nhau cho thấy sự quan tâm của toàn xã hội trên địa bàn thị trấn Quất Lâm thực hiện việc tích hợp lồng ghép giới, xóa đói giảm nghèo với quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Hội CTĐ thị trấn thành lập năm 1992, được củng cố kiện toàn có 13 thành viên tham gia Ban Chấp hành, 3 thành viên tham gia Ban Thường vụ, có 18 chi Hội (17 chi Hội theo tổ dân phố, 1 chi Hội khu dịch vụ du lịch) với 150 hội viên; 25 Đội Thanh niên xung kích Chũ thập đỏ trường học, mỗi đội có từ 20 đến 25 Tình nguyện viên. Hội Chũ thập đỏ Thị trấn tích cực làm nòng cốt trong các hoạt động nhân đạo - từ thiện góp phần giải quyết an sinh xã hội, phòng ngừa ứng phó thiên tai, hiến máu nhân đạo, giúp các đối tượng dễ bị tổn thương có hiệu quả như: vận động ủng hộ vào dịp lễ tết, mỗi năm giá trị từ 3 đến 8 triệu đồng; thông qua Hội Chũ thập đỏ, thị trấn Quất Lâm cũng đã tiếp nhận chương trình trồng gần 20 ha rừng ngập mặn ven biển do Hội CTĐ Đan Mạch tài trợ, góp phần giảm tác động thiên tai, bảo vệ đê tuyến biển.

1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

1.7.1. Kinh tế

Thị trấn Quất Lâm được thành lập đến nay hơn 10 năm nhưng với cơ cấu kinh tế năng động và đa dạng theo hướng nông, lâm, ngư, diêm nghiệp (bao gồm sản xuất muối, trồng lúa, làm màu, chăn nuôi, đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản), dịch vụ du lịch và dịch vụ công thương, ngành nghề khác và có hơn 400 lao động (nam 80%) đi làm ăn xa. Tổng thu nhập của thị trấn năm 2013 khoảng 250 tỷ. Trong đó thu nhập từ nông, ngư, diêm nghiệp chiếm 52 %, thu nhập từ dịch vụ thương mại du lịch chiếm 38%, thu nhập từ dịch vụ công thương, ngành nghề khác chiếm 10%. Mức thu nhập bình quân đầu người 25 triệu/đầu người/năm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương được cải thiện ở mức khá so với các xã, thị trấn trong huyện Giao Thủy.



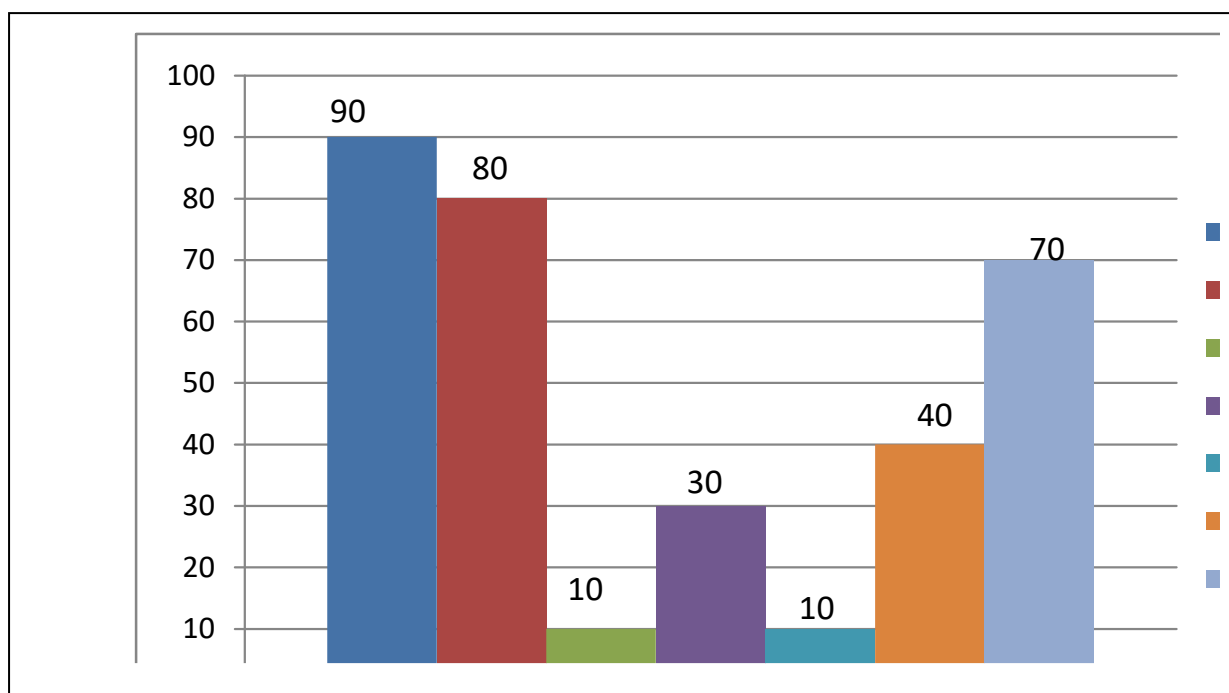
Bảng 5. Biểu đồ 5 cơ cấu thu nhập

Qua cơ cấu thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp, ngư, diêm nghiệp thu hút 80% lao động vào nghề trồng lúa, làm muối, trồng màu, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản địa phương với thu nhập chiếm 52%; lao động kinh doanh dịch vụ du lịch, dịch vụ công thương, ngành nghề khác chiếm 20% (bao gồm cả lao động làm ăn ngoài địa phương) thu nhập chiếm 48,% (dịch vụ du lịch 38%, ngành nghề khác 10%). Như vậy cho thấy thu nhập ở lĩnh vực nông nghiệp thấp nên đời sống đại bộ phận người dân trong thị trấn còn khó khăn, điều kiện cải thiện cuộc sống về mọi mặt trong đó về chỗ ở an toàn và phương tiện phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đối với họ rất khó khăn và hạn chế, cần được quan tâm cải thiện tình trạng dễ bị tổn thương, tăng cường năng lực của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng an toàn trước thiên tai. Đối với lao động ở các lĩnh vực dịch vụ du lịch, ngành nghề khác với số lượng ít hơn so với lao động nông nghiệp, nhưng năng động, hiệu quả hơn, có đời sống cải thiện nên năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH sẽ tốt hơn. Vì vậy đồng thời với sự quan tâm triển khai thực hiện tốt các chính sách phát triển dịch vụ thương mại, du lịch gắn với bảo vệ an toàn khu du lịch tắm biển, bảo vệ đê điều, hệ thống cấp thoát nước đường phố của thị trấn đáp ứng yêu cầu dịch vụ du lịch, ngành nghề ngày càng phát triển đa dạng, phát huy thế mạnh, khai thác triệt để cơ hội làm giàu cho người dân, tăng thu nhập cho địa phương có điều tiết đầu tư lại cho việc duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống ở khu vực nông thôn đảm bảo an ninh lương thực, đầu tư cơ sở

hạ tầng, phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn bền vững, tăng thu nhập cải thiện đời sống người dân, xây dựng bộ mặt nông thôn mới an toàn, văn minh, rút ngắn khoảng cách cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn, làm cơ sở cho điều kiện cần và đủ để phát triển thị trấn Quất Lâm lên thị xã trong tương lai gần. Do yêu cầu phát triển gắn với giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH nên thời gian qua thị trấn có sự thay đổi về sử dụng đất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế kéo theo sự phân bổ lại lao động hợp qui luật cung cầu ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau, với sự nỗ lực, tích cực: Sản xuất muối trên diện tích 147,20 ha trong năm 2013, số ngày nắng thuận cho chu kỳ sản xuất muối không nhiều, cả năm có 110 ngày nắng sản xuất muối đạt sản lượng 3.150/3.500 tấn, chiếm 90% kế hoạch; Trồng lúa và trồng màu được nhân dân tích cực thâm canh, tăng vụ, cải tạo vườn tạp, thực hiện lịch mùa vụ, chuyển đổi giống cây trồng để sản xuất có hiệu quả. Sản xuất 17,45 ha lúa 1 - 2 vụ (vụ mùa và vụ chiêm xuân) đạt sản lượng qui thóc năm 2013 là 360 tấn, đạt 100% kế hoạch đề ra, lương thực đáp ứng một phần cho địa phương, phần lớn hộ dân làm các ngành nghề khác phải mua lương thực ngoài địa phương để ăn. Diện tích trồng màu nhỏ lẻ manh mún, xen canh cây trồng, mùa vụ, tận dụng lao động phát triển kinh tế hộ không mang tính sản xuất hàng hóa cao; chăn nuôi gia súc, gia cầm khắc phục khó khăn về giá cả, dịch bệnh. Công tác thú y tiêm phòng chống dịch tả, tụ huyết trùng, bệnh tai xanh lợn, có những cố gắng tích cực tiêm phòng vacxin cho gia súc, gia cầm, đạt tỷ lệ từ 43,58% đến 68,8%. Chăn nuôi trên địa bàn thị trấn còn nhỏ lẻ theo gia đình, chăn nuôi theo qui mô gia trại có 19 hộ. Đến cuối năm 2013, tổng đàn gia súc, gia cầm của thị trấn có 29.195 con (195 con trâu, bò, dê, 4.500 con lợn, 19.500 con gà, vịt); Nuôi trồng thủy hải sản 79,44 ha từ diện tích lúa và làm muối chuyển đổi. Diện tích chuyển đổi của HTX Hòa Bình và Cồn Tàu chủ yếu là nuôi tôm thẻ chân trắng, số diện tích HTX Thống Nhất chuyển sang nuôi cá nước lợ, nước ngọt có kết quả cao. Tổng sản lượng nuôi trồng năm 2013 đạt 766,8 tấn; Đánh bắt hải sản được duy trì đánh bắt gần bờ và xa bờ, có 149 tàu thuyền với công suất từ 40 CV đến 120 CV (67 chiếc loại 40 CV; 72 chiếc loại 120 CV) và 45 mùng mảng, sản lượng đánh bắt năm 2013 đạt 7.359 tấn, đạt 102,2%; Dịch vụ thương mại được tập trung dịch vụ công thương có 514 cơ sở đăng ký kinh doanh, thị trường hàng hóa đa dạng phong phú đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng, phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Dịch vụ du lịch được các tổ chức cá nhân trên địa bàn đầu tư phát triển mở rộng, tạo cảnh quang khang trang thu hút khách du lịch, có 56 nhà nghỉ, 124 kiốt với 897 phòng nghỉ đạt tiêu chuẩn, mỗi năm thu hút từ 20 đến 25 vạn lượt người đến thăm quan nghỉ mát. Năm 2013, do cơn bão số 2 có ảnh hưởng, du khách ít hơn (có 20 vạn lượt khách đến thăm quan nghỉ mát, doanh thu đạt 45 tỷ

đồng). Sáu tháng đầu năm 2014, dịch vụ du lịch bình thường trở lại, có xu hướng tăng nhanh, doanh thu đạt 37 tỷ đồng, chiếm 82,2% doanh thu cả năm 2013.

Nhìn chung phát triển kinh tế của thị trấn Quất Lâm đã có những chuyển biến tích cực, đa ngành nghề, thu hút cả lao động nam nữ tham gia. Tuy vậy, một bộ phận lao động ở các lĩnh vực ngành nghề thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp luôn bị tác động của thời tiết, khí hậu nên không ít hộ sản xuất muối bỏ nghề, tìm việc làm khác, hàng năm có từ 400 lao động đi làm ăn xa, tạo thu nhập bình quân 160.000 đ/ngày đối với lao động nữ, 200.000đ/ngày đối với nam. Nữ giới thường có vai trò đảm đương gia đình, giữ vai trò tái sản xuất như chăm sóc con cái, cha mẹ, ông bà nhiều hơn nam giới nên đi làm ăn xa rất ít, nhưng tham gia hầu hết các lĩnh vực ngành nghề của địa phương như: nữ tham gia sản xuất muối có 90%; trồng màu 80%; nuôi trồng thủy hải sản 10%; buôn bán, dịch vụ thương mại, làm mắm tômvà một số ngành nghề khác 30% ; may mặc 90%; phụ hồ 10%; thu gom tôm cá trên thuyền đánh bắt hải sản 40%, và trồng lúa phụ nữ tham gia trên 70%.



Biểu đồ 6 Nữ giới tham gia các ngành nghề

Các ngành nghề đều bị thiên tai tác động, nhất là sản xuất nông nghiệp, Qua phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ dân (đại diện hộ phỏng vấn: nam 13, nữ 7, trong đó có 7 hộ nghèo, 3 hộ cận nghèo, 10 hộ trung bình); có 13 ý kiến lo sợ rủi ro làm giảm sản lượng mát mùa, 9 ý kiến lo sợ chết cây trồng, 10 ý kiến lo sợ chết vật nuôi.

1.7.2. Xã hội

Văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Trong năm 2013, thị trấn đạt 14/19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; có 1.888 hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa 3 năm 2010 - 2012, chiếm 72,33%. Công tác Y tế, Dân số, Gia đình, Trẻ em thực hiện đạt được những kết quả: tỷ lệ sinh 1,96% (giảm so năm 2012: 0,25%); tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 1,15 % (giảm so năm 2012: 0,08%); đến nay có số người tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đạt 60%. Công tác Giáo dục, Đào tạo có những tiến bộ, đảm bảo chất lượng dạy và học, các trường học, cấp học đều vượt mức chỉ tiêu kế hoạch huy động, chất lượng phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, các tiêu chuẩn giáo dục Tiểu học, Trung học cơ sở được duy trì giữ vững, chất lượng giáo dục toàn diện được củng cố và nâng cao, đội ngũ học sinh giỏi ở các trường tham gia các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, huyện đạt khá. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, đảm bảo các chế độ chính sách cho các đối tượng hưởng chính sách như: cán bộ hưu trí, người già từ 80 tuổi trở lên, người khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam... hỗ trợ hộ nghèo kịp thời, đảm bảo cuộc sống và được giúp đỡ an toàn trước thiên tai.

2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức theo 5 hợp phần.

2.1. Sinh kế.

Sinh kế đa dạng ngành nghề: làm muối, trồng lúa, trồng màu, chăn nuôi, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, dịch vụ thương mại công thương, du lịch và lao động đi làm ăn xa tạo điều kiện tăng thu nhập từ nhiều nguồn cải thiện đời sống khá hơn trước.

- Nghề trồng lúa sản xuất 1-2 vụ trong năm cung cấp một phần lương thực cho địa phương. Hệ thống kênh mương cấp 1.2.3 thường xuyên được nạo vét phục vụ cho sản xuất. Một số phương tiện sản xuất đã được cơ giới hóa. Dịch vụ cho vay vốn nhiều hơn như Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội cho người dân vay 170 tỷ đồng để đầu tư sản xuất, dịch vụ thương mại, du lịch, trong đó có vốn vay đầu tư trồng lúa, chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ làm chủ dự án vay vốn cho hội viên, đoàn viên và nhân dân, mỗi tổ chức giúp cho vay từ 2 đến 3,5 tỷ đồng (Hội Phụ nữ, 2,08 tỷ, Hội Cựu chiến binh 2,5 tỷ, Hội nông dân 3,5 tỷ). Ở địa phương có nhiều cơ sở tư nhân dịch vụ cung cấp vật tư phân bón thuốc trừ sâu phục vụ cho sản xuất, các HTX giữ vai trò quản lý thủy lợi phục vụ tưới tiêu, bảo vệ cây trồng. Trong cộng đồng có tổ nhóm đổi công cho nhau khi gặt và trồng lúa. Ban Nông nghiệp tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng lúa, thực hiện gieo sạ lúa 1-2 vụ

thay cấy, giảm chi phí nhân công và đưa các giống lúa mới cho chất lượng và năng suất cao cho người dân.

- Trồng màu vụ đông trên đất lúa, xen canh, xen vụ ngày càng đa dạng giống cây trồng, thu hút lao động nam, nữ tham gia.

- Chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan được người dân tích cực duy trì, sản phẩm cung cấp cho địa phương. Đại bộ phận các hộ trồng lúa, làm màu, kết hợp chăn nuôi tạo việc làm tăng thu nhập và tạo ra nguồn phân bón lót cây trồng. Thị trấn có cán bộ thú y thực hiện tiêm phòng dịch bệnh gia súc gia cầm.

- Nuôi trồng thủy hải sản có 79,44 ha, chủ yếu là nuôi cá nước ngọt, nước lợ và nuôi tôm bán công nghiệp, được ngân hàng tạo điều kiện cho vay vốn đầu tư, giải quyết hàng trăm lao động có việc làm và tạo thu nhập cao. Hàng năm hộ nuôi trồng thủy hải sản được tập huấn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi trồng.

- Đánh bắt thủy hải sản có hơn 150 hộ với 194 thuyền lớn, nhỏ, mùng máng ; lao động đánh bắt là nam giới có kinh nghiệm, theo dõi thông tin thời tiết đánh bắt an toàn. Tuy đánh bắt không đều nhưng có mức thu khá. Một bộ phận phụ nữ tham gia thu gom hải sản trên tàu thuyền đánh bắt, hỗ trợ nam giới bảo vệ tàu thuyền, ngư lưới cụ và tiêu thụ sản phẩm tôm, cá.

- Dịch vụ thương mại, bao gồm dịch vụ công thương và dịch vụ du lịch được đầu tư phát triển nhanh. Đến nay có 514 cơ sở dịch vụ công thương, có 56 nhà nghỉ, 124 ki ốt với 879 phòng nghỉ khang trang, sạch đẹp, thu hút mỗi năm vài chục vạn du khách đến tắm biển nghỉ mát thu hút lao động nam, nữ có thêm việc làm, tăng thu nhập cải thiện đời sống. Mỗi năm thị trấn Quát Lâm còn có khoảng 400 lao động đi làm nghề thợ xây, thợ mộc và ngành nghề khác ở ngoài địa phương, thu nhập tương đối ổn định, góp phần đáng kể vào thu nhập địa phương.

Nhìn chung sinh kế của người dân có những điểm mạnh và có cơ hội phát triển, tăng thu nhập. Tuy nhiên, người dân vẫn còn hạn chế về kiến thức khoa học kỹ thuật, tình trạng ô nhiễm môi trường, dịch bệnh nuôi trồng thủy hải sản và ảnh hưởng sản xuất nông nghiệp thường ngập úng và nhiễm mặn. Hệ thống thủy lợi cho sản xuất lúa, màu, làm muối, nuôi trồng thủy hải sản còn chung, nên tác động ảnh hưởng đến môi trường sản xuất giữa các lĩnh vực, ngành nghề. Sinh kế các ngành nghề đều phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thiếu ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Lao động chưa cân bằng giữa nam và nữ, lao động nữ tham gia hầu hết ở tất cả các lĩnh vực ngành nghề tại địa phương, bao gồm cả lao động nặng nhọc, và lao động có môi trường độc hại, thường bị say nắng, nhiễm độc thuốc trừ sâu, tai nạn thương tích. Chi phí cho giống cây trồng và vật tư cao, giá sản phẩm bấp bênh không ổn định, chăn nuôi gia súc gia cầm nguy cơ dịch bệnh đe dọa thường xuyên, bên cạnh đó giá bán lợn hơi, gà vịt thường bị tư thương ép giá do chưa có dịch vụ

tiêu thụ lớn trên địa bàn gây tâm lý lo lắng của người dân chăn nuôi, thực trạng nhiều gia trại lợn, gà, vịt bị dịch bệnh dẫn đến thua lỗ và giải thể, làm giảm đáng kể sự tăng trưởng đàn gia súc gia cầm. Xu hướng giảm chăn nuôi hiện tại sẽ dẫn đến việc giải quyết lao động nông nhân khó khăn, cơ hội thu nhập đa dạng cho phát triển kinh tế hộ ít, giảm lượng phân bón lót cho cây trồng, làm tăng thêm chi phí đầu tư trồng lúa, trồng màu. Sản xuất muối đôi mặt thời tiết không thuận lợi, thiết bị sản xuất còn thô sơ, giá chi phí đầu tư cao, giá muối rẻ, người làm muối thu nhập thấp, khó khăn, muốn bỏ nghề, chuyển đổi diện tích làm muối sang nuôi trồng thủy hải sản hoặc làm màu nhưng thiếu vốn, họ đang trông chờ sự quan tâm xem xét giúp đỡ cho phép và có chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước. Một bộ phận hộ làm muối mong muốn Nhà nước tạo nhiều cơ hội tốt cho làm muối như có quản lý điều chỉnh giá vật tư làm muối hợp lý và có dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị làm muối trên địa bàn; dành vốn đầu tư hỗ trợ thiết bị sản xuất muối sạch; làm hệ thống thủy lợi tốt hơn và có chính sách thu mua bao tiêu muối, tạo điều kiện cho người làm muối có lãi. Đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản cũng còn nhiều khó khăn thách thức cần được sự quan tâm nhiều hơn.

2.2. Điều kiện sống cơ bản

Điện, đường, trường học, chợ, trạm y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường đáp ứng được đời sống cơ bản của người dân. Nhà ở của người dân cũng có những cải thiện đáng kể, an toàn trước thiên tai, tỷ lệ nhà kiên cố chiếm gần 80% (trong đó có 35% nhà tầng).

Tuy nhiên, về điều kiện sống cơ bản của người dân trong thị trấn cũng còn nhiều hạn chế như: nhà ở không an toàn còn khoảng 17%; điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt còn thiếu; 100 % đường nội đồng chưa được cứng hóa ô nhiễm vào mùa nắng, lầy lội vào mùa mưa; trạm y tế xuống cấp, điều kiện chăm sóc sức khỏe nhân dân còn khó khăn, còn 40 % người dân chưa có thẻ bảo hiểm y tế tự nguyện. Nước sạch vệ sinh môi trường hiện nay không có vấn đề nổi cộm, nhưng cũng đang có những tiềm ẩn rủi ro như hệ thống nước sạch từ giếng khoan không bền vững do tác động biến đổi khí hậu và khai thác nước ngầm của người dân ngày càng nhiều nên tương lai sẽ cạn kiệt nguồn nước; tạp chất trong nước giếng khoan hiện tại chưa vượt quá mức cho phép nhưng người dân lo lắng trong tương lai nguồn nước ngầm sẽ bị cạn kiệt và nhiều tạp chất như ở các huyện lân cận (Nghĩa Hưng, Hải Hậu) nên thị trấn Quất Lâm cũng cần có chiến lược về dự án cung cấp nước sạch. Trước mắt cần cảnh báo người dân tiết kiệm nước, khai thác mạch nước ngầm hợp lý, nhân rộng mô hình dự trữ bảo quản và sử dụng nước mưa để dùng cho ăn uống hợp vệ sinh; xây dựng bể lọc nước cho hộ gia đình và cộng đồng. Việc thu gom rác thải của thị trấn có nhiều tiến bộ, giữ sạch môi trường. Tuy vậy vẫn còn những

thùng rác khu dân cư chưa có nắp đậy gây ô nhiễm, việc phân loại rác thải tại bãi sẽ khó khăn do lượng rác lớn để lâu ngày ô nhiễm độc hại, nên cần khuyến khích hộ gia đình, tổ chức cá nhân thực hiện phân loại rác tại nguồn vừa giảm áp lực rác tập trung phải xử lý chôn lấp ở bãi, vừa sử dụng rác tái chế có lợi cho xã hội, hạn chế ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe đối với người tham gia phân loại rác tại bãi.

Tóm lại về điều kiện sống cơ bản của người dân về mọi mặt được nâng lên, đến nay thị trấn thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được 14/19 tiêu chí Quốc gia, nhưng vẫn còn những hạn chế, dễ rủi ro khi có thiên tai. Qua phỏng vấn 20 hộ dân đã có 20/20 ý kiến lo sợ về vấn đề tai nạn giao thông; 20/20 ý kiến lo lắng ô nhiễm môi trường, 03/20 ý kiến lo sợ không an toàn do cháy nổ, 08/20 ý kiến lo lắng dịch bệnh ở người do tác động thảm họa thiên tai vì vậy điều kiện sống cơ bản của người dân cũng cần được cải thiện nhiều hơn nữa, nhất là sống trong bối cảnh thiên tai, biến đổi khí hậu khó lường.

2.3. Sự tự bảo vệ của cá nhân, hộ gia đình

Đại bộ phận người dân có ý thức chủ động chằng chống nhà cửa dự trữ lương thực và thực phẩm trong mùa mưa bão; tỷ lệ người biết bơi khoảng 32%; 99% hộ dân có ti vi và 98% hộ dân có thông tin liên lạc qua điện thoại. Khi có thiên tai, người dân chủ động sơ tán đến nơi an toàn theo thông tin cảnh báo của Chính quyền địa phương, nhất là người già, trẻ em, người khuyết tật được chăm sóc bảo vệ và giúp đỡ sơ tán trước.

Tuy vậy, biện pháp an toàn cá nhân và hộ gia đình còn nhiều hạn chế, rủi ro cao khi có thiên tai cường độ mạnh như gió bão lớn, nước biển dâng cao. Tỷ lệ nhà bán kiên cố xuống cấp còn nhiều; có hơn 1.075 hộ (nếu tính mỗi hộ 4 khẩu có khoảng 4.300 người chưa tính lượng khách du lịch) ở các tổ dân phố Lâm Hòa, Bình Trung, Lâm Chính, Lâm Hạ, nhất là Cồn Tàu Đông, Cồn Tàu Nam và Cồn Tàu Tây, các khu vực vùng bổi, ngoài đê Trung ương có vị trí nguy cơ cao với gió bão. Tỷ lệ người chưa biết bơi còn cao (hơn 68% đối với người lớn, trẻ em trong độ tuổi chưa được dạy bơi và học bơi chiếm đến 90%); Phụ nữ chủ hộ gia đình, người khuyết tật, người già gặp nhiều khó khăn trong phòng ngừa ứng phó thiên tai; ngư dân đánh bắt hải sản trên biển, hộ nuôi trồng thủy hải sản ở chòi canh giữ ao đầm còn chủ quan, thiếu thông tin, thiếu trang thiết bị an toàn. Kết quả phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ, có 16 hộ trả lời về mức độ không an toàn quanh nhà; 15 hộ trả lời không có rào chắn an toàn; có 50% người được phỏng vấn trả lời trẻ em nhỏ tự đi học (hộ được phỏng vấn có trẻ em đi học 10 hộ), có 11 ý kiến trả lời hộ gia đình có kế hoạch phòng chống thiên tai, có 13 ý kiến trả lời không có dự trữ lương thực trong mùa mưa bão. Như vậy cho thấy sự hiểu biết, chủ động bảo vệ của người dân để giảm thiểu rủi ro còn hạn chế.

2.4. Sự bảo vệ xã hội

Địa phương chủ động cung cấp thông tin cảnh báo đến người dân, các tổ chức cá nhân trên địa bàn về thiên tai. Hằng năm tổng kết rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng lực lượng xung kích tại thị trấn 130 người, tại 17 tổ dân phố 250 người. Chuẩn bị các vật tư thiết bị theo phương châm 4 tại chỗ, như: 2.605 cây tre; 4.420 chiếc bao tải; 5 xe công nông và huy động các phương tiện của người dân trong tình huống phải di dời dân từ vùng nguy cơ cao vào nơi tránh trú an toàn; chỉ đạo tổ chức chiến dịch nạo vét kênh mương thủy lợi nội đồng, khơi thông dòng chảy, tránh ách tắc và ngập úng trong mùa mưa bão; tuyên truyền kêu gọi nhân dân bảo vệ các công trình đê, giao thông xung yếu trên địa bàn thị trấn.

Nhìn chung về bảo vệ xã hội đã có sự quan tâm của cộng đồng, nhưng vẫn còn những hạn chế. Lực lượng ứng phó thiên tai được thành lập với số lượng nhiều nhưng chưa được tập huấn và trang bị phương tiện cứu hộ, cứu nạn. Cán bộ Chính quyền, đoàn thể ít được tập huấn về kiến thức biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể còn thiếu nội dung, tài liệu để tuyên truyền cho cán bộ hội viên và người dân. Trên địa bàn thị trấn thiếu cùm loa; chưa có bảng tin, biển báo lắp đặt nơi công cộng, vùng nguy cơ cao; trong mưa bão thường bị mất điện, hệ thống truyền thanh không hoạt động được, nhưng chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay thay thế để thông tin cảnh báo về thiên tai kịp thời cho người dân. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn còn hạn chế và tính chuyên nghiệp chưa cao.

2.5. Tổ chức Xã hội/ Chính quyền

Tổ chức Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ thị trấn đến tổ dân phố tập trung triển khai chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tuyên truyền vận động nhân dân phòng ngừa ứng phó thiên tai, giúp đỡ sơ tán, cứu trợ lương thực, nước uống khi cần thiết, vận động nguồn lực 4 tại chỗ cho phòng chống thiên tai. Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh có chương trình giúp hội viên phát triển kinh tế gia đình như vay vốn Ngân hàng Chính sách, ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn, vốn từ các nguồn quỹ Hội, Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh các phong trào, cuộc vận động “ngày vì người nghèo”, góp phần thúc đẩy triển khai thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới với sự tham gia đóng góp của người dân trong việc làm đường, nạo vét kênh mương, làm nhà văn hóa tổ dân phố. Tuy vậy, về cơ chế, chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện dành cho công tác phòng chống thiên tai của thị trấn còn khó khăn. BCH phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và lực lượng ứng phó cộng đồng chưa được tập huấn nhiều về kiến thức và kỹ năng phòng ngừa ứng phó

thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, về lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu chưa được lồng ghép nhiều vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ít được lồng ghép vào chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể - xã hội, tạo điều kiện huy động nguồn lực phát triển sản xuất kinh doanh, thí điểm xây dựng các mô hình với cây lúa, cây màu, mô hình trang trại chăn nuôi, giảm phát thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu trong tương lai; chưa được lồng ghép phát triển kinh tế xã hội bền vững, gắn xóa đói giảm nghèo với quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng nhằm cải thiện tình trạng dễ bị tổn thương, tăng cường năng lực của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng cho việc an toàn trước thiên tai. Qua phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ về giải quyết công việc cho người dân có 14 ý kiến trả lời giải quyết công việc nhanh, 19 ý kiến trả lời hài lòng.

3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương

3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội

3.1.1. Các loại hiểm họa, thiên tai xu hướng biến động.

Thị trấn Quát Lâm có địa hình giáp biển, chịu ảnh hưởng thiên tai như áp thấp nhiệt đới, bão, lụt, sạt lở đất và những hiện tượng thời tiết bất thường như nắng nóng, mưa lớn, nhiễm mặn, sương muối, rét đậm xảy ra với mức độ tác động nghiêm trọng. Hàng năm xảy ra tại địa phương từ 6 - 7 đợt áp thấp nhiệt đới, từ 4 - 5 cơn bão, ngập lụt từ 4 - 5 lần. Xu hướng bão trái qui luật như kinh nghiệm người dân cho rằng trước đây khi nước biển dâng cao thì không có bão, nay nước biển to có bão; hoặc trước đây có gió bắc không có bão nay có gió bắc lại có bão; bão đến sớm hơn, nhưng kết thúc muộn, khó dự đoán, cường độ mạnh và kèm theo mưa lớn gây ngập lụt, thời gian giữa các trận bão gần hơn, lụt lớn hơn, kéo dài hơn (từ 5 đến 7 ngày), khi có triều cường thì ngập lụt dài ngày hơn, nhất là các tổ dân phố Cồn Tàu Đông, Cồn Tàu Tây và Cồn Tàu Nam thường bị ngập sâu 0,4 đến 0,5 m. Theo thông tin cung cấp của UBND thị trấn và người dân, thiên tai xảy ra gây thiệt hại sinh kế, tài sản, công trình, giá trị từ 10 đến 15 tỷ đồng/năm. Năm 2013, bão số 2,5,6, và bão số 14 xảy ra kèm ngập lụt trên địa bàn gây thiệt hại giá trị hơn 20 tỷ đồng. Qua phỏng vấn về hiểm họa tự nhiên, có 16/20 ý kiến lo sợ lụt; 20/20 ý kiến lo sợ bão; 16/20 ý kiến lo sợ rét; 9/20 ý kiến lo sợ nhiễm mặn; 11/20 ý kiến lo sợ giông lốc. Về hiểm họa do con người, có 20/20 ý kiến lo sợ tai nạn giao thông; 20/20 ý kiến lo sợ ô nhiễm môi trường; 03/20 ý kiến lo sợ cháy nổ; 08/20 ý kiến lo sợ bệnh dịch ở người.

Theo nhận định của người dân tình hình thiên tai và cấp độ thiên tai ngày càng phức tạp hơn, khó lường, nhất là cường độ bão lớn /siêu bão. Các hiện tượng

nắng nóng kéo dài sẽ gây nhiễm mặn, làm cạn kiệt nguồn nước ngầm; lượng mưa phân bố không đều như mùa nắng ít mưa, mùa mưa mưa nhiều, rét đậm, sương muối ngày càng nhiều hơn, mức nước biển mỗi năm dâng cao thêm từ 20 đến 30 cm thiên tai ảnh hưởng đến tính mạng tài sản và môi trường sống của người dân nên cần có kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu để hướng dẫn người dân và cộng đồng.

Tác động, thiệt hại đối với nhóm người dễ bị tổn thương (xem bảng phụ lục 6)

3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần

(xem phụ lục 7).

4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro

4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng

Qua đánh giá thu thập và phân tích thông tin và qua phỏng vấn 20 hộ về rủi ro thiên tai, có 19 ý kiến lo sợ sập nhà; 19 ý kiến lo sợ thiệt hại tài sản; 13 ý kiến lo sợ giảm sản lượng; 18 ý kiến lo sợ tai nạn thương tích; 15 ý kiến lo sợ chết người, 9 ý kiến lo sợ chết cây trồng, 9 ý kiến lo sợ chết vật nuôi. Do vậy, Nhóm đánh giá nhận diện các vấn đề quan tâm của thị trấn Quất Lâm trên ba lĩnh vực an toàn, sản xuất kinh doanh, sức khỏe và vệ sinh môi trường sau đây:

- Về an toàn tính mạng do đui nước, thiên tai và thiệt hại tài sản khi có mưa bão lớn, nhất là siêu bão.

- Sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng, tác động thiên tai, biến đổi khí hậu, nhất là làm muối, chăn nuôi, trồng lúa, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.

- Làm muối chịu nhiều tác động thời tiết khắc nghiệt, nắng mưa thất thường, ô nhiễm nguồn nước, sản lượng thấp, giá vật tư cao, chưa có thiết bị sản xuất muối sạch, đầu ra khó khăn, giá muối thấp, thu nhập đời sống thiếu ổn định, khiến người làm muối bỏ nghề, thiếu công ăn việc làm.

- Trồng lúa hai vụ bấp bênh do thời tiết khắc nghiệt, phát sinh dịch bệnh, côn trùng phá hại mùa màng, ngập úng và nhiễm mặn.

- Chăn nuôi hộ gia đình nhỏ lẻ, đã có mô hình chăn nuôi gia trại nhưng chưa nhiều, thiếu bền vững, rủi ro dịch bệnh, lãi thấp, đang có xu hướng giảm về số lượng gia súc, gia cầm, nhiều gia trại do dịch bệnh, thua lỗ dẫn đến bỏ trống chuồng trại nhiều.

- Nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi tôm bán công nghiệp là lĩnh vực đầu tư vốn lớn, thu nhập khá, giải quyết được nhiều lao động có việc làm nhưng luôn bị ảnh hưởng thời tiết, khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh ở tôm, cá, rủi ro cao.

- Nghề đánh bắt hải sản, phương tiện đánh thuyền nhỏ, chịu tác động ảnh hưởng gió bão, nguồn lợi thủy hải sản ngày càng cạn kiệt, dẫn đến đánh bắt hải sản thu nhập thấp so với trước, thiếu ổn định bền vững.

- Sức khỏe, nước sạch, vệ sinh môi trường đã có nhiều cải thiện hiện tại đảm bảo đời sống sinh hoạt của người dân nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro trong tương lai.

4.2. Xếp hạng các vấn đề bức xúc tại địa phương

S T T	Vấn đề	Cụm 1	Cụm 2	Cụm 3	Cộng đồng xếp hạng toàn xã	Xếp hạng theo ý kiến lãnh đạo xã
1	Người dân lo lắng về an toàn tính mạng, tài sản khi có thiên tai	1	1	1	1	1
2	Người dân thiếu trang thiết bị thông tin cảnh báo thiên tai dẫn đến nguy hiểm tính mạng	3	2	2	2	9
3	Công tác cứu hộ, cứu nạn khó khăn ảnh hưởng thiệt hại tính mạng, tài sản người dân.	2	3	3	3	7
4	Lo sợ tắm biển đuối nước dẫn đến thiệt hại tính mạng.	4	4	4	4	8
5	Nghề làm muối khó khăn, thu nhập thấp, ảnh hưởng đời sống, một số hộ bỏ nghề không có việc làm	5	5	6	5	4
6	Thiệt hại chăn nuôi ảnh hưởng thu nhập đời sống	6	6	5	6	5
7	Thiệt hại trồng lúa, làm màu ảnh hưởng đến thu nhập đời sống	7	8	7	7	6
8	Nuôi trồng thủy sản có nguy cơ rủi ro mất vốn ảnh hưởng đến đời sống	8	7	8	8	2
9	Đánh bắt hải sản ngày càng khó khăn, giảm thu nhập, thiếu ổn định	9	9	8	9	3

Bảng 7. Xếp hạng các vấn đề ưu tiên của cộng đồng

Từ 9 vấn đề bức xúc của người dân nêu trên hợp thành 6 vấn đề lớn dưới đây:

4.3. Vấn đề, nguyên nhân

4.3.1. Vấn đề 1: Người dân sợ đuối nước do tắm biển và lo lắng không an toàn tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).

Nguyên nhân: Đê biển dễ vỡ khi có mưa bão lớn, kết hợp với nước biển dâng cao tràn đê do còn 200 m đê đất, 3 km đê biển được bê tông cứng hóa nhưng mái đê và chân đê còn yếu (mái đê kè bị tạo kẽ hở, chân đê đứng, chưa được bỏ mỏ kè, thực tế đã có nhiều đoạn bị nước dâng làm sạt lở), cao trình đê thấp (hiện tại khi có triều dâng cao nước biển tràn qua đê từ 0,5 m trở lên gây ách tắc giao thông); rừng ngập mặn hiện có ít nhưng đang bị phá hủy, đất bãi bồi còn trống chưa có rừng; người du lịch tắm biển số lượng nhiều, phần lớn không biết bơi, nhưng chưa có trạm, phương tiện và lực lượng cứu hộ ứng trực trên bãi biển; có hơn 1.075 hộ (nếu tính mỗi hộ 4 khẩu có khoảng 4.300 người chưa tính lượng khách du lịch) ở các tổ dân phố Lâm Hòa, Bình Trung, Lâm Chính, Lâm Hạ, nhất là Cồn Tàu Đông, Cồn Tàu Nam và Cồn Tàu Tây, các khu vực vùng bãi, ngoài đê Trung ương có vị trí đối mặt nguy cơ cao về gió bão. Có một bộ phận không nhỏ người dân còn chủ quan trong phòng chống lụt, bão, hiểu biết về kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai còn hạn chế. Hệ thống thông tin cảnh báo sớm thiếu (thiếu cụm loa, chưa có âm ly lưu động, loa cầm tay, bảng tin, biển cảnh báo tại các vùng xung yếu); công tác cứu hộ khó khăn, lực lượng ứng phó chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng, thiếu trang thiết bị, đường cứu hộ cho các khu vực dân phố nói trên bị sạt, lún. Nơi sơ tán chủ yếu là trường học, nhưng chưa được khảo sát tính toán cụ thể, thực trạng về công trình vệ sinh, nước sạch, mất điện khi có thiên tai khó khăn cho việc sơ tán dân với số lượng đông.

4.3.2. Vấn đề 2: Người dân lo lắng nghề làm muối thu nhập thấp không đảm bảo đời sống

Nguyên nhân: Do thời tiết cực đoan mưa, nắng thất thường; giá cả vật tư sản xuất cao; thiếu vốn sản xuất, công cụ sản xuất còn thô sơ, ô nhiễm nguồn nước làm muối, hệ thống thủy lợi đầu mối thường xuyên bị cát biển vùi lấp; cống Dây 14 hư hỏng, thủy lợi trồng muối chưa thuận lợi. Cống Tây Cồn Tàu 1 km phai cống thấp bị cát biển vùi lấp không tiêu thoát nước được; tiêu thụ muối còn khó khăn, giá muối rẻ ảnh hưởng thu nhập đời sống.

4.3.3. Vấn đề 3: Nhân dân lo lắng thiệt hại chăn nuôi, ảnh hưởng đến thu nhập đời sống

Nguyên nhân: Thời tiết thay đổi thất thường, nắng nóng, rét đậm, bão, lụt nước cuốn trôi vật nuôi, chuồng trại chưa phù hợp gây dịch bệnh; giá cả thức ăn và con giống cao, giá bán bấp bênh, người chăn nuôi chưa có lãi, thu nhập thiếu ổn định.

4.3.4. Vấn đề 4: Người dân lo lắng nghề trồng lúa, làm màu thu nhập thấp không đảm bảo đời sống

Nguyên nhân: Do thời tiết cực đoan thất thường sâu bệnh cây trồng; nhiễm mặn, ngập úng, sương muối; giá cả vật tư cao, phân bón và thuốc trừ sâu kém chất lượng; giá nông sản thấp; hệ thống thủy lợi nội đồng, cống tiêu tưới bị bồi lấp tắc nghẽn dòng chảy.

4.3.5. Vấn đề 5: Nhân dân lo lắng thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản, nhất là nuôi tôm bán công nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập

Nguyên nhân: Thời tiết khắc nghiệt nắng mưa bất thường, ô nhiễm nguồn nước, ao, đầm nuôi trồng thấp, thiếu kiên cố; thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật; con giống không đảm bảo chất lượng do không có cơ sở bán con giống tại địa phương, phải mua từ nơi khác về không kiểm soát được dịch bệnh.

4.3.6. Vấn đề 6: Ngư dân đánh bắt hải sản lo lắng thu nhập thiếu ổn định, ảnh hưởng đời sống

Nguyên nhân: Ngư dân thiếu phương tiện và kiến thức đánh bắt xa bờ; phương tiện đánh bắt thô sơ, xuống cấp; trang thiết bị, ngư lưới cụ đánh bắt hải sản thường bị mất cắp; nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt do tác động của biến đổi khí hậu và ngư dân dùng lưới mắt nhỏ đánh bắt làm cạn kiệt nguồn lợi hải sản.

4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro (xem phụ lục 9).

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận 1: Nhân dân lo lắng thiệt hại tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).

Khuyến nghị 1

Đối với chính quyền địa phương:

- Cần đề xuất với cấp trên có dự án đầu tư gia cố 3 km mái chân đê, nâng cấp cao trình và bỏ ít nhất 3 m ở kè và kè kiên cố 200 m đê biển đất tuyến du lịch chống chịu được bão lớn và nước biển dâng cao.

- Tiếp tục đề xuất cấp trên xem xét cấp vốn đầu tư làm đường cứu hộ các tổ dân phố có nguy cơ cao, khu vực ngoài đê Trung ương đảm bảo việc di dời dân được an toàn thuận lợi trong mùa mưa bão.

- Khảo sát lắp thêm các cụm loa tại các vùng xa trung tâm thị trấn, cung cấp trang thiết bị âm ly lưu động, loa cầm tay và các trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa cho các tổ dân phố như: thuyền, phao, áo phao, áo mưa, ủng, mũ bảo hiểm, cưa máy và các thiết bị khác cho phòng ngừa ứng phó thảm họa. Đồng thời lắp đặt các bảng tin, biển cảnh báo về thiên tai ở các tổ dân phố, đoạn đường, đê biển vùng có bãi tắm nước sâu, vùng có nguy cơ rủi ro cao nhằm cảnh báo cho người dân.

- Đánh giá lại tình trạng rừng ngập mặn bị phá hủy có kế hoạch phục hồi rừng hiện có và trồng mới rừng ngập mặn trên tích đất bãi bồi còn trống, xây dựng qui chế và có chính sách để chăm sóc bảo vệ rừng ngập mặn bền vững.

- Sớm khảo sát đánh giá thực trạng công trình vệ sinh, nước sạch tại các trường học để có kế hoạch kêu gọi nguồn kinh phí nâng cấp, làm thêm đáp ứng nhu cầu cho học sinh và giáo viên có tính đến nhu cầu sử dụng nhà vệ sinh, nước sạch người sơ tán đến trường khi có thiên tai (bao gồm người dân và khách du lịch). Đồng thời mua sắm và lắp đặt máy phát điện tại các trường học, chủ động cấp điện phục vụ điểm sơ tán dân an toàn.

- Khảo sát và chủ động lập kế hoạch thống nhất với các hộ có nhà cao tầng trên địa bàn thị trấn giúp đỡ cho các hộ dân, nhất là người già, trẻ em, các đối tượng dễ bị tổn thương trú ẩn khi có tình huống thiên tai, giảm tải áp lực sơ tán tập trung dân đông gặp nhiều khó khăn.

- Qui hoạch đất và lập đề án kêu gọi kinh phí xây dựng trạm cứu hộ khu vực bãi tắm biển, thành lập và tập huấn kiến thức kỹ năng đội cứu hộ, cung cấp trang thiết bị như thuyền, phương tiện cứu hộ khi có đuối nước trên biển gắn với dịch vụ tắm biển, tạo thu nhập bổ sung chi phí duy trì lực lượng cứu hộ bền vững tại trạm, đồng thời thường xuyên đào tạo nghiệp vụ có tính chuyên nghiệp cao phục vụ cứu hộ trên địa bàn thị trấn khi cần.

- Chủ động kêu gọi nguồn lực tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho cán bộ lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể thị trấn, HTX, tổ trưởng dân phố, tình nguyện viên, giáo viên và học sinh. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về PNUPTH cho người dân nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, thảm họa và thích ứng BĐKH.

- Vận động nhân dân chủ động đầu tư nâng cấp nhà ở an toàn. Đặc biệt đối với các hộ dân tổ dân phố, khu vực bồi, ngoài đê Trung ương thường xuyên đối mặt với gió bão, nước biển dâng. Kêu gọi nguồn tài trợ kinh phí xây dựng mô hình nhà ở hộ dân an toàn trước thiên tai phù hợp với địa phương để người dân làm theo (có thể xây theo mẫu nhà phòng chống lụt bão của Bộ Xây dựng). Có kế hoạch với

nhiều giải pháp hỗ trợ người dân vay vốn sửa chữa nâng cấp nhà ở an toàn, nhất là hỗ trợ kinh phí cho hộ nghèo, cận nghèo qua nhiều nguồn lực ủng hộ giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài địa phương, của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các tôn giáo, nhà tài trợ theo mục tiêu chương trình dự án để họ có cơ hội cải thiện nhà ở an toàn.

- Thông tin cảnh báo kịp thời cho ngư dân không đánh bắt hải sản khi có gió bão, đề phòng chìm thuyền ảnh hưởng tính mạng, mất tài sản, lưới cụ. Đối với các hộ nuôi trồng thủy hải sản có biện pháp trông coi ao đầm, đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản trước thiên tai.

Đối với cộng đồng:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai.
- Hướng dẫn người dân, các chủ ki ốt dịch vụ tắm biển chủ động dự trữ lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, chằng chống nhà cửa, kê đồ đạc lên cao, chăm sóc người già, trẻ em, người khuyết tật khi có bão, lụt và sẵn sàng sơ tán đến nơi trú ẩn an toàn.

- Phát huy tinh thần đoàn kết cộng đồng tương thân tương ái, giúp nhau trong phòng ngừa ứng phó thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất về rủi ro thiên tai, thảm họa.

- Đóng góp nguồn lực cùng với chính quyền triển khai các biện pháp giảm thiểu rủi ro ngay tại cộng đồng giải quyết những bức xúc và cấp thiết tại các khu dân cư như nâng cấp mở rộng đường cứu hộ, hoặc công trình phục vụ nơi sơ tán dân, nâng cao năng lực phòng ngừa ứng phó thiên tai.

5.2. Kết luận 2: Người dân lo lắng nghề làm muối thu nhập thấp không đảm bảo đời sống .

Khuyến nghị 2:

Đối với chính quyền địa phương:

- Nghề làm muối thu hút số đông lao động nam, nữ tham gia, phần lớn thuộc hộ nghèo, cận nghèo, kinh tế khó khăn phải bám nghề, thu nhập thấp. Nên địa phương kiến nghị Nhà nước có chính sách trợ giá như cho vay vốn lãi suất thấp, điều chỉnh giá vật tư, thiết bị làm muối, giá muối bán ra và bao tiêu sản lượng muối, tạo thu nhập ổn định bền vững.

- Thường xuyên nạo vét kênh mương thủy lợi, kiên cố hóa đoạn kè biển cống Tây Cồn Tàu, ngăn cát biển vùi lấp hệ thống giao thông đầu mối; phục hồi cống Dây 14, phục vụ thủy lợi làm muối thuận lợi.

- Kiến nghị các ngành, cơ quan cấp trên có thẩm quyền có các chương trình dự án đầu tư thiết bị làm muối sạch, tạo điều kiện người dân nâng cao sản lượng và chất lượng muối cung cấp cho thị trường.

Đối với cộng đồng:

Thực hiện đoàn kết giúp nhau về vốn, vật tư, kỹ thuật làm muối có hiệu quả. Các Đoàn thể phối hợp chặt chẽ và có giải pháp thiết thực hỗ trợ đoàn viên, hội viên về vốn, vật tư, để làm muối có lãi, phát triển kinh tế gia đình bền vững; theo dõi và thực hiện vai trò giám sát phản biện nhằm kiến nghị có hiệu quả đến các ngành, các cấp thực hiện tốt các chủ trương chính sách hỗ trợ phát triển nghề muối ở địa phương.

5.3. Kết luận 3: Thiệt hại chăn nuôi, ảnh hưởng đến thu nhập đời sống người dân

Khuyến nghị 3

Đối với chính quyền địa phương:

- Cần có quy hoạch đất trang trại chăn nuôi xa khu dân hợp vệ sinh, giảm phát thải ô nhiễm môi trường; khuyến khích các tổ chức cá nhân liên kết vốn, tổ chức nhiều cơ sở dịch vụ thú y, cung cấp giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm thuận lợi.

- Thường xuyên tổ chức hội nghị, tập huấn, hội thảo chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chăn nuôi cho người dân và hội nghị biểu dương cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi giỏi, làm ăn có hiệu quả để động viên, nhân rộng mô hình.

- Tổ chức tốt dịch vụ thú y đến với hộ chăn nuôi, thực hiện đều đặn công tác tiêm phòng, ngừa dịch bệnh và dập dịch kịp thời khi có bệnh dịch ở gia súc gia cầm xảy ra. Đồng thời tư vấn, hướng dẫn nhân dân làm chuồng, trại chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, thích nghi với mùa nắng nóng và mùa đông, giảm thiểu rủi ro do thiên tai dịch bệnh như ngập lụt chuồng trại, gia súc gia cầm bị cuốn trôi, hoặc vật nuôi bị dịch bệnh do thời tiết khí hậu nắng nóng, rét đậm, rét hại, khôi phục lại nghề chăn nuôi có hiệu quả bền vững, thực hiện chăn nuôi kết hợp với cây trồng (trong đó chăn nuôi tạo lượng phân bón cây trồng, sử dụng sản phẩm cây trồng chế biến thức ăn cho vật nuôi).

Đối với cộng đồng:

- Vận động hộ chăn nuôi giúp nhau về vốn, giống, phòng dịch bệnh, chế biến thức ăn chăn nuôi, giảm bớt chi phí. Khi có dịch ở vật nuôi cần kịp thời báo với cán bộ thú y để tư vấn chăm sóc, chữa trị và dập dịch kịp thời.

- Thực hiện vệ sinh chuồng trại, chăn nuôi hợp vệ sinh, giảm phát thải ô nhiễm môi trường, phòng ngừa dịch bệnh vật nuôi.

5.4. Kết luận 4: Người dân lo lắng thiệt hại trồng lúa ảnh hưởng thu nhập thấp, đời sống thiếu ổn định

Khuyến nghị 4

Đối với chính quyền địa phương

- Theo dõi sát dự báo thời tiết khí hậu, xây dựng lịch mùa vụ, kế hoạch chuyển đổi giống cây trồng giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu cho người dân.

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về khoa học kỹ thuật trồng lúa, tìm giống phù hợp. Hướng dẫn người dân phòng trừ sâu bệnh ở lúa và màu đúng qui trình 4 đúng (đúng thuốc, đúng liều, đúng thời điểm, đúng kỹ thuật).

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng phân bón, thuốc trừ sâu; hướng dẫn nhân dân chọn, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu đảm bảo; kiên quyết xử lý các hành vi buôn bán phân bón thuốc trừ sâu kém chất lượng.

- Đề nghị Nhà nước quan tâm quản lý giá cả vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp hợp lý và điều chỉnh giá tiêu thụ nông sản để người dân trồng lúa có lãi.

- Thường xuyên nạo vét kênh mương nội đồng cống thoát nước; có hệ thống kênh mương thủy lợi riêng.

- Thực hiện cứng hóa đường nội đồng phục vụ sản xuất thuận lợi.

Đối với cộng đồng:

- Phổ biến và trao đổi những kinh nghiệm, nhân rộng mô hình trồng lúa gieo sạ thay cây cho nhân dân áp dụng trồng lúa để tiết kiệm chi phí, có hiệu quả.

- Hướng dẫn nhân dân thực hiện lịch mùa vụ, chuyển đổi giống cây trồng theo khuyến cáo của chính quyền địa phương.

5.5. Kết luận 5: Nuôi trồng thủy hải sản là nghề đầu tư lớn nhưng cũng chịu nhiều rủi ro.

Khuyến nghị 5

Đối với chính quyền địa phương:

- Cần sớm quy hoạch nuôi trồng thủy hải sản, tạo điều kiện làm kênh mương riêng dẫn nước vào ra ao, đầm tránh nguồn nước tăng độ mặn do nước làm muối ảnh hưởng gây thiệt hại về sản lượng tôm.

- Khảo sát hệ thống thủy lợi đầu mối để có thiết kế kiên cố đoạn kè sát biển dài khoảng 1km nhằm ngăn cản cát biển vùi lấp cản trở tiêu thoát nước phục vụ nuôi trồng thủy hải sản (trong đó có làm muối).

- Tuyên truyền cho người dân có kiến thức khoa học kỹ thuật về nuôi trồng thủy hải sản, tổ chức nhiều các hình thức tập huấn, hội thảo, hội nghị, cung cấp tài

liệu giới thiệu kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi trồng thủy hải sản có hiệu quả.

- Cần giúp đỡ, tạo điều kiện cho thuê đất dài hạn, cho vay vốn lãi suất thấp, thực hiện miễn giảm thuế nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương liên kết vốn, kỹ thuật sản xuất con giống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi trồng thủy hải sản, tiêu thụ tôm cá thuận tại địa phương. Trước mắt giới thiệu các nhà cung cấp con giống chất lượng tốt ở ngoài địa phương cho người dân có nhiều cơ hội lựa chọn giống đạt chuẩn để nuôi trồng phòng tránh dịch bệnh; tạo điều kiện cung cấp con giống đảm bảo chất lượng, có khả năng miễn dịch cao. Thực hiện cho vay vốn tạo điều kiện hộ nuôi trồng thủy hải sản có kinh phí gia cố ao đầm chịu được tác động thiên tai, giảm thiểu thiệt hại.

- Quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền cho các hộ nuôi trồng thủy hải sản về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, cung cấp thông tin cảnh báo sớm và hướng dẫn các biện pháp an toàn ao, đầm trước thiên tai.

Đối với cộng đồng:

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai kịp thời cho hộ nuôi trồng thủy hải sản bằng nhiều cách, chú trọng cảnh báo qua tin nhắn điện thoại di động.

- Phát huy tinh thần đoàn kết bảo vệ ao, đầm an toàn, sẵn sàng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.

- Chia sẻ kinh nghiệm xử lý ao đầm vệ sinh, cho thức ăn vừa đủ xuống ao đầm, cách xử lý rong rêu chết gây ô nhiễm ao đầm có hiệu quả, phòng ngừa dịch bệnh tôm, cá.

5.6. Kết luận 6: Ngư dân đánh bắt hải sản lo lắng thu nhập thiếu ổn định, ảnh hưởng đời sống

Khuyến nghị 6

Đối với chính quyền địa phương:

- Tạo điều kiện cho ngư dân vay vốn đóng tàu thuyền công suất lớn đánh bắt hải sản xa bờ, thu nhập ổn định và tạo điều kiện phát triển dịch vụ nghề cá, chế biến thủy hải sản tạo điều kiện lao động có thêm việc làm.

- Thực hiện thông tin cảnh báo sớm về tình hình diễn biến thiên tai, nhất là gió bão kịp thời để ngư dân chủ động phòng ngừa, tránh thiên tai.

- Tổ chức lực lượng dân phòng tuần tra kiểm soát ban đêm ở khu vực thuyền neo đậu và đánh bắt, bảo vệ phương tiện ngư lưới cụ, tạo điều kiện ngư dân yên tâm đầu tư đánh bắt.

- Động viên ngư dân duy trì đánh bắt, nâng cao nhận thức bảo vệ nguồn lợi hải sản, nghiêm cấm việc dùng xung điện, dùng lưới mắt nhỏ bắt tất cả các loài hải sản lớn nhỏ làm cạn kiệt nguồn lợi hải sản.

Đối với cộng đồng:

Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân.

- Phát huy tinh thần đoàn kết bảo vệ thuyền, phương tiện, ngư lưới cụ an toàn, sẵn sàng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm khai thác đánh bắt hải sản an toàn, hiệu quả.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

✚ Báo cáo “*kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014*” ngày 12 tháng 12 năm 2013 thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

✚ Báo cáo Tổng kết công tác phòng chống lụt bão năm 2013 số 28/BC-BCH, của BCH phòng chống thiên tai, TKCN thị trấn Quất Lâm ngày 15 tháng 5 năm 2014.

✚ Báo cáo kết quả hoạt động Hội Phụ nữ thị trấn Quất Lâm năm 2013 và chương trình công tác Hội năm 2014, ngày 15 tháng 2 năm 2013.

✚ Sổ tay dành cho hướng dẫn viên đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam GPXB số 77/GP-CXB ngày 29/8.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ VCA

Thành viên Nhóm đánh giá VCA

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức danh
01	Bà Hoàng Thị Huyền	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	<i>Trưởng nhóm</i>
02	Ông Ngô Ngọc Gang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
03	Ông Nguyễn Văn Hậu	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
04	Ông Trần Quốc Đại	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
05	Bà Trần Thị Mai	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
06	Bà Cao Thị Giang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật:

- Ông Trần Đình Ký, Tập huấn viên VCA cấp Quốc gia, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
- Ông Dương Anh Tuấn, Cán bộ dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
- Bà Lê Thị Hồng Vân, Điều phối viên dự án VFD của Hội CTĐ Mỹ tại Nam Định.

Nhóm hỗ trợ hậu cần:

Nguyễn Thị Mai Tuyết, Chi Hội Trưởng Phụ nữ tổ dân phố Cồn Tàu Đông, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

PHU LUC 2. BẢNG PHÂN TÍCH SWOT

SINH KẾ	
Điểm mạnh	Điểm yếu
<p><i>Sinh kế của địa phương đa dạng ngành nghề với tổng diện tích đất tự nhiên là 195,41 ha trong đó có 452,88 ha đất nông nghiệp; lao động cơ bản có việc làm tăng thu nhập, ổn định đời sống nhân dân và tạo điều kiện phát triển kinh tế – văn hóa xã hội của địa phương.</i></p> <p>* Sản xuất muối với tổng diện tích là 147,2 ha (sản xuất trên diện tích là 88,84 ha), số hộ tham gia chiếm 10%. Hàng năm đạt sản lượng là 3,150 tấn/năm), thu nhập từ 2,5 – 3 triệu đồng/người/năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương nằm trên địa hình phù hợp với nghề làm muối, có nguồn nước từ biển vào, chi phí đầu tư thấp so với các ngành nghề khác. - Là nghề truyền thống của địa phương nên người dân kinh nghiệm sản xuất muối. - Tận dụng được một số những vật liệu trong tự nhiên làm công cụ làm muối như: nứa - Sản phẩm làm ra không lo không tiêu thụ được. 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn 58,36 ha diện tích đất sản xuất muối bỏ hoang. - Phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên càng ngày số ngày nắng càng ít và số ngày mưa nhiều hơn. - Phương tiện sử dụng trong nghề làm muối còn thiếu và thô sơ. - Chưa áp dụng được khoa học kỹ thuật vào làm muối, chủ yếu dựa vào sức người là chính. - Đầu ra còn gặp nhiều khó khăn, tư thương ép giá, thị trường tiêu thụ không rộng rãi. - Giá đầu ra sản phẩm thấp dẫn đến thu nhập kém vì vậy nhiều hộ dân bỏ nghề làm muối. Lực lượng lao động ngày càng mỏng. - Trên địa bàn thị trấn chưa có cơ sở sản xuất muối sạch.

<p>* Nghề đánh bắt hải sản mang lại thu nhập cao cho người dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số người tham gia đánh bắt xa bờ và gần bờ chiếm khoảng 550 người với 194 chiếc tàu, thuyền, mùng, mảng phụ vụ cho đánh bắt xa bờ và gần bờ (trong đó: 67 chiếc dưới 40 CV, 82 chiếc từ 72 – 120 CV và 45 mùng mảng). - Đánh bắt xa bờ mang lại thu nhập cao khoảng 3 – 4 triệu/ngày/tàu(thuyền), đánh bắt gần bờ thu nhập 200 – 300 nghìn/ngày/mùng(mảng). - Các phương tiện đi đánh bắt được trang bị đầy đủ một số trang thiết bị cần thiết như: áo phao, phao cứu sinh, thiết bị định vị và bộ đàm. Được kiểm ngư kiểm tra, quản lý thường xuyên. <p>+ Nghề nuôi trồng thủy hải sản của địa phương được duy trì và phát triển, đặc biệt là nuôi tôm thẻ chân trắng nước mặn, nước lợ và cá nước ngọt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích đất nuôi trồng là 79,44 ha trong đó chuyển đổi 71 ha diện tích sản xuất muối và trồng lúa năng xuất thấp sang nuôi trồng thủy sản (HTX Thống Nhất chuyển sang nuôi cá nước ngọt, nước lợ; HTX Hòa Bình chuyển sang nuôi tôm thẻ chân trắng, cá nước ngọt) - Có 10% số hộ nuôi trồng thủy sản, trong đó nuôi trồng hải sản nước mặn thu nhập khoảng 400 triệu/ ha/năm. Nuôi thủy sản nước ngọt thu nhập bình quân 200 triệu/ha/năm. - Các hộ nuôi trồng thủy sản được Ngân hàng Nông nghiệp cho vay vốn sản xuất và được tập huấn thường xuyên về kiến thức nuôi trồng và áp dụng khoa học kỹ thuật. - Sản phẩm cung cấp đáp ứng nhu cầu cho người dân tại địa phương và cho các tỉnh trong nước. <p>* Nghề trồng lúa sản xuất 1 - 2 vụ trong năm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ thuộc vào thời tiết và con nước - Nguồn lợi thủy hải sản ngày càng cạn kiệt do nhiều tàu thuyền đánh bắt và do ý thức của ngư dân còn hạn chế (đánh bắt cả những loài còn nhỏ). - Mất ngư lưới cụ - Chi phí mua ngư cụ và các trang thiết bị phục vụ cho đánh bắt cao <ul style="list-style-type: none"> - Vốn bỏ ra lớn, chi phí đầu vào cao - Giá cả sản phẩm không ổn định - Không có cơ sở cung cấp con giống tại chỗ. Chất lượng con giống và vật tư chưa đảm bảo chất lượng do giống nhập nơi khác về chưa được kiểm nghiệm chất lượng. - Nguồn nước phục vụ cho nuôi trồng không đảm bảo dẫn đến nhiều dịch bệnh. <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương có địa hình giáp biển vì vậy diện tích đất trồng lúa bị nhiễm mặn cao.
---	---

<p>- Trồng lúa 2 vụ với diện tích khoảng 17,45 ha. Có khoảng 5% số hộ trồng lúa trong đó lao động chính là nữ. Năng suất lúa vụ chiêm đạt 1,6 – 1,7 tạ/sào/vụ; năng suất vụ mùa đạt 1,3 – 1,4 tạ/sào/vụ. - Có hệ thống kênh mương cấp 1, 2 phục vụ cho sản xuất lúa</p> <p>* Chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan được người dân tích cực duy trì, sản phẩm cung cấp trong và ngoài địa phương</p> <p>- Chiếm khoảng 60 – 70% số hộ, nuôi nhỏ lẻ tại các hộ gia đình là chính, có 19 gia trại, mỗi gia trại nuôi từ 50 - 100 con, thu nhập tại các gia trại bình quân khoảng 50 triệu/năm và 10 – 15 triệu/năm đối với chăn nuôi nhỏ lẻ tại hộ gia đình. Nguồn nước chăn nuôi là nguồn nước giếng khoan và ao hồ. Con giống và vật tư chăn nuôi trên địa bàn đáp ứng đầy đủ cho các hộ chăn nuôi, có cán bộ thú y và 1 cơ sở dịch vụ cung cấp thức ăn và thuốc chữa bệnh cho vật nuôi. Nhiều gia trại đã xây dựng hố biôga chứa chất thải. Tận dụng được nguồn thức ăn dư thừa hàng ngày để chăn nuôi và chất thải để làm khí đốt.</p> <p>* Nghề trồng màu cung cấp sản phẩm cho địa phương, góp phần tăng thu nhập đời sống.</p> <p>- Với diện tích là 26,14 ha, chiếm 70 - 80% số</p>	<p>Một số đường giao thông nội đồng đi lại gặp nhiều khó khăn (chuyển một số diện tích trồng lúa sang nuôi trồng thủy hải sản).</p> <p>- Nguồn nước phục vụ nghề trồng lúa chưa đáp ứng đầy đủ, còn phụ thuộc vào các xã lân cận (xã Giao Thịnh).</p> <p>- Nghề trồng lúa gặp nhiều sâu bệnh và phụ thuộc vào thiên nhiên.</p> <p>- Chi phí đầu vào cao (phân bón, thuốc trừ sâu...), đầu ra giá thành thấp.</p> <p>- Thời tiết hàng năm gây ra nhiều dịch bệnh cho vật nuôi</p> <p>- Chi phí đầu vào cao, giá đầu ra bấp bênh không ổn định</p> <p>- Các thôn, xóm chưa có cán bộ thú y.</p> <p>- Nhiều sâu bệnh và phụ thuộc nhiều vào thời tiết</p> <p>- Đất bị nhiễm mặn</p> <p>- Còn tồn tại nhiều mặt hàng chất lượng không đảm bảo. Động vốn do người mua nợ đọng</p>
---	--

<p>hộ (là những hộ trồng lúa); chủ yếu là trồng các loại rau, lạc, đậu tương, dưa... trên đất vườn của các hộ gia đình. Thu nhập khoảng 2 triệu/sào/năm. Ngoài ra địa phương có 139,58 ha trồng các loại cây ăn quả cung cấp nhu cầu của người dân tại địa phương.</p> <p>* Ngành kinh doanh, dịch vụ (trong đó có dịch vụ du lịch) tạo thu nhập cao cho người dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên địa bàn thị trấn có đa dạng các ngành nghề, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân - Là thị trấn có địa hình giáp biển, có khu du lịch từ đó tạo thuận lợi thúc đẩy các ngành dịch vụ, buôn bán các mặt hàng phát triển (dịch vụ ăn uống, du lịch biển...), giải quyết được nhiều sản phẩm sản xuất tại địa phương. - Dịch vụ du lịch tại địa phương phát triển mạnh mẽ mang lại thu nhập cao cho người dân. Với 56 nhà nghỉ, 124 kiốt tổng số phòng nghỉ đạt tiêu chuẩn là 897. Hàng năm khu du lịch của địa phương thu hút được lượng du khách rất lớn ước tính khoảng 20 vạn lượt người/năm mang lại thu nhập cao ước đạt 45 tỷ đồng/năm. <p>* Các ngành nghề khác (xây dựng, may mặc, thợ mộc, thợ hàn,)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên địa bàn có 2 công ty xây dựng, và một số cửa hàng buôn bán điện tử điện lạnh, cơ sở may mặc nhỏ lẻ, buôn bán xăng dầu, vật liệu xây dựng nhiều tổ, đội, nhóm tư nhân...đáp ứng nhu cầu của người dân và góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động, đem lại thu nhập ổn định từ 4 – 5 triệu/người/tháng. Nhiều người dân đi làm ăn xa thu nhập ổn định. - Nghề thợ hàn: Có 4 -5 cơ sở, mỗi cơ sở khoảng 2-3 lao động. Có xưởng mộc mỗi xưởng có 2-3 lao động. Thu nhập bình quân 2 nghề khoảng 4 triệu/tháng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành dịch vụ du lịch còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết. - Thu nhập giảm do lượng khách giảm nhiều trong những ngày mưa bão. - Nhiều người từ địa phương khác đến du lịch dẫn đến các tai tệ nạn xã hội gia tăng. - Lực lượng lao động còn mỏng - Nghề xây dựng, đi làm ăn xa gặp nhiều rủi ro như ngã ráo, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội dẫn đến thiệt hại về người và của - Thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa được mở rộng ra bên ngoài và giá đầu ra của sản phẩm còn thấp.
CƠ HỘI	THÁCH THỨC

<p>- Được nhà nước quan tâm tạo điều kiện để người dân tiếp cận được nguồn vốn phục vụ kinh doanh, sản xuất. Ngân hàng Nông nghiệp cho vay 170 tỷ đồng, ngân hàng Chính sách là 2,086 tỷ đồng để địa phương phát triển kinh tế.</p> <p>- Nhà nước đầu tư cho vay Hội phụ nữ vận động phát triển kinh tế giảm nghèo bền vững cho 157 hội viên vay 300 triệu đồng.</p> <p>- Nhà nước cho vay Hội cựu chiến binh là 2,5 tỷ đồng, Hội Nông dân là 3,5 tỷ đồng và quỹ hỗ trợ nông dân nghèo là 300 triệu đồng.</p> <p>- Ngoài ra còn hỗ trợ tiêm vắc xin phòng bệnh cho khoảng 3000 con lợn, cấp phát 95 lít thuốc khử trùng, tiêu độc trong chăn nuôi.</p>	<p>- Do dịch bệnh (sâu bệnh ở cây trồng và bệnh dịch ở vật nuôi)</p> <p>- Thiên tai, biến đổi khí hậu nhiễm mặn, sương muối, ảnh hưởng bão lụt gây ngập úng.</p> <p>- Giá vật tư cao, giá nông sản thấp.</p> <p>- Thiếu vốn đầu tư</p>
Điều kiện sống cơ bản	
Điểm mạnh	Điểm yếu
<p>Cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm, nhà văn hóa... được đầu tư xây dựng đáp ứng đời sống cơ bản của người dân</p> <p>* Giáo dục:</p> <p>- Về giáo dục có 2 trường (Trường Mầm non và trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2). Trường Tiểu học là 24 lớp có 41 giáo viên và 900 học sinh. Trường Trung học cơ sở có 15 lớp với 38 giáo viên và 550 học sinh. Trường Mầm non có tổng số 16 lớp với 39 giáo viên và 525 học sinh. Trường Trung học phổ thông có 24 lớp với có 51 GV và 1.080 học sinh.</p> <p>* Y tế:</p> <p>Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1, có 1 bác sỹ. Số người có thẻ bảo hiểm y tế khoảng 50%. Tổng 15/17 tổ dân phố có y tế cơ sở. Tỷ lệ trẻ em tiêm chủng trong độ tuổi là 95%.</p>	<p>Thực trạng cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống cơ bản của người dân vẫn còn hạn chế.</p>

<p>*Nước sạch:</p> <p>75,3 % hộ có giếng khoan, 30% hộ có thiết bị lọc nước, 70% hộ có bể nước mưa, còn lại 25% hộ dùng chung giếng khoan.</p> <p>*Vệ sinh môi trường:</p> <p>Có đội thu gom rác thải (khu trung tâm thị trấn và khu du lịch 11lần/ngày, các khu dân cư khác 2 ngày/ lần. Rác thải đã được phân loại xử lý chôn lấp.</p> <p>- 80% số hộ có hố xí sinh tự hoại.</p> <p>* Văn hóa xã hội:</p> <p>- Có 13/17 tổ dân phố có nhà văn hóa phục vụ nhân dân sinh hoạt (tổng trị giá 150-200 triệu đồng chủ yếu do dân đóng góp, kinh phí ngân sách hỗ trợ 30%).</p> <p>*Cơ sở hạ tầng:</p> <p>Nhà ở:</p> <p>Nhà ở kiên cố chiếm 75,3% trong đó có 35% nhà cao tầng.</p> <p>Điện:</p> <p>- Có 8 trạm biến áp cung cấp điện cho nhân dân. Có 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.</p> <p>Đường, Đê biển</p> <p>- Tuyến đường tỉnh lộ 486 dài 2,1 km và trục đường thị trấn 8,2 km đã được láng nhựa. Tuyến đường giáp biển 3/3,2 km được bê tông ngăn nước biển phục vụ tham quan, nghỉ mát. Đường trục phố 13,3/15km được bê tông hóa</p>	<p>* Y tế:</p> <p>- Chưa được kiên cố hóa, thiếu trang thiết bị. Tỷ lệ sinh con thứ 3 cao.</p> <p>*Nước sạch:</p> <p>- Chưa có hệ thống nước sạch.</p> <p>*Vệ sinh môi trường:</p> <p>- Hệ thống xử lý rác thải hạn chế, chủ yếu là chôn lấp.</p> <p>- 20% số hộ có hố xí chưa hợp vệ sinh</p> <p>* Văn hóa xã hội:</p> <p>- Còn 4 tổ dân phố chưa có nhà văn hóa (Lâm Chính, Bình Trung, Lâm Dũng, Lâm Sơn)</p> <p>*Cơ sở hạ tầng:</p> <p>Nhà ở:</p> <p>- Còn 17% nhà bán kiên cố trong đó có 5% nhà xuống cấp.</p> <p>Điện:</p> <p>- Hiện tại thiếu 1 trạm điện, tương lai thiếu 3 trạm điện. Đường điện từ UBND đến khu du lịch chưa được nâng cấp bằng dây bọc.</p> <p>Đường:</p> <p>- Hệ thống đường giao thông một số tổ dân phố đã xuống cấp như Cồn Tàu Nam, Lâm Quý, Lâm Dũng, Lâm Sơn,</p>
--	---

<p>kiên cố. Có mặt đường nội đồng dài 20,5 km.</p> <p>Hệ thống thủy lợi: Hệ thống kênh mương cấp 1, 2, 3 là 40 km. Có 30 km là kênh mương nội đồng.</p> <p>Chợ: Có hệ thống điện bắt ngầm, có bình chữa cháy và tập huấn lực lượng chữa cháy. Ban quản lý chợ đảm bảo an ninh.</p>	<p>Lâm Tân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 200 m đê biển 1 là đê đất chưa được kiên cố hóa. Còn 3 km đê biển cao trình thấp, mái đê kè bị có kẽ hở dễ bị sạt lở, nước triều cường tràn qua đê 0,5 m không chịu được tác động của bão cấp 10 trở lên, dễ bị sạt lở. Đê biển chưa có mỏ kè. Đoạn đường cứu hộ Lâm Dũng, Lâm Sơn, Cồn Tàu Tây, Cồn Tàu Nam, N8 (là đoạn đường có dự án) do thiếu vốn nên 2,1 km chưa được thi công. - Khoảng 1km đê biển đầu mỗi chưa được kè thường xuyên bị cát biển vùi lấp làm tắc nghẽn dòng chảy hạn chế cung cấp nước cho làm muối và nuôi trồng thủy sản. Đường trục dân phố còn 2 km là đường đất. Đường nội đồng 2,5 km là đường đất bị ô nhiễm mùa nắng, lầy lội mùa mưa. - Hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư còn 50% chưa đạt tiêu chuẩn.
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> - Địa phương có khu du lịch nên được nhà nước đầu tư cơ bản về cơ sở hạ tầng (Điện, đường, trường, trạm). - Thị trấn đang lập đề án đề nghị qui hoạch lên thị xã - Thị trấn đang được đầu tư nâng cấp hạ tầng khu du lịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thị trấn là nơi ven biển do tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.
Sự tự bảo vệ và bảo vệ xã hội	
Điểm mạnh	Điểm yếu
<p>* Cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 32 % người dân biết bơi. - Địa phương có chương trình dạy bơi cho học 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn 68% người dân, chủ yếu là người già, trẻ em và phụ nữ là không biết bơi.

sinh Trung học cơ sở và hàng năm có tổ chức thi bơi cho lứa tuổi thanh thiếu niên.

*** Hộ gia đình:**

- Khi bão xảy ra gia đình tự chằng chống nhà cửa, di dời đến khu tránh trú an toàn khi có thông báo của chính quyền địa phương (người già, trẻ em và những người sức khỏe yếu di dời trước).

- Chủ động chuẩn bị phương tiện, lương thực, thực phẩm, và các trang thiết bị cần thiết khi có mưa bão

*** Bảo vệ xã hội:**

- Có 75,3% nhà kiên cố trong dân; Trụ sở ủy ban; các trường học, nhà thờ được xây dựng cao tầng làm nơi tránh trú bão an toàn.

- Khi có thiên tai xảy ra địa phương cung cấp thông tin cảnh báo đến người dân qua 17 cụm loa truyền thanh không dây được đặt ở khu vực trung tâm và khu vực đông dân cư của 17 tổ dân phố trong toàn thị trấn.

- Địa phương có ban phòng chống lụt bão và đội xung kích cứu hộ cứu nạn gồm 130 người và 250 người tại 17 tổ dân phố cùng với các vật tư thiết bị dự trữ hoạt động theo phương châm 4 tại chỗ.

- Hàng năm chính quyền địa phương triển khai kế hoạch phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn tới các tổ dân phố và người dân.

- Ban phòng chống lụt bão có tham gia các lớp diễn tập của cấp trên tổ chức.

- Chính quyền địa phương vận động và chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết khi có thiên tai xảy ra như: cây tre (2.605 cây); bao tải (4.420 chiếc); 11.000 kg Phi lao; phương tiện như xe công nông (5 xe) và huy động các phương tiện của người dân trong tình huống phải di dời dân từ vùng nguy cơ cao vào nơi tránh trú an toàn.

- Còn 60% thành viên trong đội xung kích chưa được tập huấn về kỹ năng ứng phó cứu hộ cứu nạn phòng ngừa và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Còn 16,9% nhà bán kiên cố trong đó 5% nhà xuống cấp nghiêm trọng không an toàn khi có thiên tai.

- Một số hộ gia đình còn chủ quan trong việc theo dõi thông tin thời tiết và bị động trước các thông tin báo bão.

- Phương tiện cứu hộ cứu nạn còn thiếu và hạn chế, không có áo phao, phao cứu sinh.

- Hệ thống loa truyền thanh không dây công suất yếu chưa đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của người dân.

- Công tác chỉ đạo, điều hành trong ban phòng chống lụt bão có nơi chưa tập trung kiên quyết.

- Ban phòng chống lụt bão và lực lượng xung kích chưa được tập huấn, diễn tập về phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn thường xuyên liên tục hàng năm.

- Còn khoảng 1km đê chưa được bê tông hóa.

- Cao trình đê thấp, kết hợp với triều cường nước biển dâng cao không đảm bảo khi có gió > cấp 10

- Tuyến đê sông Sò chưa được bồi đắp, cứng hóa.

- Một số cán bộ công chức chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác phòng chống

<p>- Hàng năm địa phương có kế hoạch tu bổ, sửa chữa thường xuyên một số công xung yếu xuống cấp đảm bảo cho việc tưới tiêu chống ngập úng lâu ngày tại các khu dân cư và đồng ruộng.</p>	<p>thiên tai, cứu hộ cứu nạn.</p>
<p>Cơ hội</p>	<p>Thách thức</p>
<p>- Đang triển khai xây dựng cảng cá (do sở Nông nghiệp &PTNT đầu tư).</p> <p>- Dự án nâng cấp thị trấn Quát Lâm lên thị xã</p> <p>- Dự án đóng tàu vỏ sắt cho ngư dân khai thác thủy hải sản (12 hộ đăng ký).</p> <p>- Đã đạt 14/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.</p>	<p>- Do biến đổi khí hậu, nắng nóng, nước biển dâng cao, thiên tai bão, gió diễn ra hàng năm ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe và đời sống người dân.</p> <p>- Là khu du lịch nên việc quản lý các vấn đề xã hội còn hạn chế.</p>
<p>Tổ chức xã hội, chính quyền</p>	
<p>Điểm mạnh</p>	<p>Điểm yếu</p>
<p>- Thị trấn Quát Lâm được thành lập năm 2003. Trụ sở Ủy ban nhân dân được xây dựng năm 2007. Đảng bộ được thành lập tháng 6 năm 1930, tổng số Đảng viên là 351 đ/c. Ban thường vụ là 4 đ/c.</p> <p>Chính quyền gồm 1 đ/c chủ tịch và 2 đ/c phó chủ tịch. Cán bộ định biên theo quy định là 22 đồng chí. Trình độ đại học 7/22, còn lại là trình độ trung cấp.</p> <p>- Thực hiện tốt qui chế dân chủ ở địa phương và các chế độ chính sách đối cán bộ.</p> <p>- Đã qui hoạch diện tích nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Hệ thống cơ sở hạ tầng địa phương đầu tư xây dựng mới khang trang và là nơi tránh trú bão cho nhân dân.</p> <p>- Thị trấn Quát Lâm đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, xây dựng kế hoạch,</p>	<p>- Một số phòng thiếu trang thiết bị làm việc như máy vi tính...</p> <p>- Phụ cấp cho cán bộ bán chuyên trách thấp.</p> <p>- Công tác tập huấn cho đội cứu hộ cứu nạn còn hạn chế.</p> <p>- Còn thiếu phương tiện trang thiết bị cho đội cứu hộ cứu nạn.</p>

<p>phương án cụ thể.</p> <p>- Các đoàn thể chính trị xã hội như : Mặt trận Tổ quốc, Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, Hội nông dân tham gia tích cực trong công tác phòng chống lụt bão theo phân công của Ban chỉ đạo, xây dựng các quỹ giúp đỡ nhau xóa đói giảm nghèo, sửa chữa nâng cấp nhà ở mỗi năm ủng hộ 5-10 hộ nghèo, mỗi hộ từ 3-5 triệu đồng. Ngoài ra còn có Doanh nghiệp Tám Lan, Quang Sung, Hưng Thịnh, chùa Phúc Lâm tài trợ lương thực, thực phẩm cho dân khi có bão. Chùa Phúc Lâm mỗi năm tặng 10-15 chiếc xe đạp cho HS nghèo vượt khó.</p>	
Cơ hội	Thách thức
<p>- Năm 2014 UBND tỉnh xây dựng cảng cá Quất Lâm.</p> <p>- Nhà nước đầu tư cho vay vốn đối với các hộ khai thác thủy sản.</p> <p>- UBND tỉnh xây dựng trường Trung cấp dạy nghề tại địa phương, đầu tư mở rộng khu du lịch về phía tây thị trấn khoảng 1km.</p> <p>- UBND thị trấn đầu tư xây 8 phòng học 2 tầng cho trường Mần non.</p>	<p>- Khí hậu thay đổi ảnh hưởng đến phát triển kinh tế của thị trấn.</p>

PHỤ LỤC 3. HỒ SƠ LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm/ Tháng	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng thiên tai	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại cái gì	Tại sao (Nguyên nhân)	Đã làm gì để phòng chống thiên tai
Cụm 1 (Tổ Lâm Hòa; Bình Trung và Lâm Chính)						
7 /1962	Bão C	Gió mạnh trên cấp 12	Toàn TT	50% nhà đổ, vỡ đê, ngập úng, 12 người chết.	100% Nhà tường đất ;mái rạ và nhà cấp 4 ; thiếu thông tin.	Người dân tự chăng chống nhà cửa.
7/1986	Bão to	Gió cấp 11	Toàn TT	Nhiều nhà tốc mái; mất mùa; vỡ đê công đoàn.Nước biển tràn qua đê gây ngập úng	Nhà tạm còn nhiều; đê chưa kiên cố; thông tin chưa chính xác	Người dân tự chăng chống nhà cửa.
1997	Áp thấp nhiệt đới	Gió cấp 7,8	Toàn TT	Ngập úng, mất mùa màng.	Thiếu thông tin	
10/201 2	Bão Son tinh	Chỉ có 1 hướng gió, mưa to, đường đi phức tạp	Toàn TT	Đổ 1 nhà, chết 1 người (Lâm Sơn) Đổ cột điện cao thế; Sạt lở đê kè và đường khu du lịch; nuôi trồng thủy sản và mùa màng mất trắng	Thông tin không chính xác; Bão kéo dài.	Dân chuẩn bị các vật tư bao cát, trà rào, cọc tre để phòng chống
Cụm 2 (Tổ Lâm Hạ; Lâm Thượng; Lâm Tân và Linh Tiền)						
T7/196 2	Bão C	Gió cấp 12; Nước dâng	Toàn TT	Vỡ đê; Chết 9 người, 60% nhà đổ,tốc mái, mất trắng hoa màu, lúa	Đê đất bồi;Nhà tạm, cấp 4 còn nhiều; Sức gió	Chăng chống nhà cửa (lưới trùm

					lớn	mái nhà)
T 9 /1968	Bão	Gió to kèm mưa lớn	Toàn TT	Vỡ đê ; 60 % nhà bị tốc mái, hoa màu mất trắng.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Đê đất; Sức gió lớn	Người dân tự chằng chống nhà cửa
8/1996	Bão lớn	Gió cấp 12	Toàn TT	Vỡ đê bao, 90% nhà bị tốc mái, Tàu thuyền bị trôi; ruộng vườn hoa màu bị ngập	Đê đất; Tỷ lệ nhà chưa kiên cố còn cao;	Sơ tán dân vào xã Giao Thịnh.
9/2005	Bão lớn	Cấp gió mạnh hơn nước biển dâng cao trước đây, tràn qua đê; phạm vi ảnh hưởng rộng hơn.	Toàn TT	Vỡ 2/3 đê công đoàn; sạt lở đê Cồn tàu Nam; 30% nhà bị tốc mái ; Nước tràn qua đê ngập đồng muối.	Sức gió quá mạnh, Đê chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp	Chủ động phòng chống bão.Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa;Bảo vệ tài sản của nhân dân;
10/2012	Bão to	Gió cấp 13, 14, ngày càng mạnh hơn, nước biển tràn qua đê.Thời điểm bão xuất hiện muộn so với những năm trước đây	Toàn TT	Chết 1 người (Lâm Sơn)70% nhà cấp 4 bị tốc mái; 5% nhà bán kiên cố bị đổ; 60% diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu bị mất trắng ; Hoa màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng; Gia súc gia cầm bị ngập lụt cuốn trôi.	Nhà chưa kiên cố; Sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác, người dân chủ quan	Chằng chống nhà cửa; (sơ sài)

Cụm 3 (Tổ Cồn Tàu Đông; Cồn Tàu Tây ; Cồn Tàu Nam;Lâm Thọ và Lâm Tiên)						
1968	Bão	Mưa to; gió mạnh.	Toàn TT	Nước tràn qua đê; ngập lụt, đổ nhà, tốc mái 80%	Bão kết hợp với triều cường và mưa gió to	Nhận thông tin về PCLB và chằng chống nhà cửa
1985	Bão to	Oi nóng, mưa to	Toàn TT	Đắm thuyền chở gạo (15 chiếc) Thiệt hại hoa màu, lúa, 70 nhà đổ va tốc mái.	Kết hợp với triều cường , gió mạnh	Thông tin cảnh báo và di dời dân
1996	Bão	Có những diễn biến khó dự báo	Toàn TT	Vỡ đê TW và đê khu du lịch	Gió mạnh cấp 12	Nhan dân chằng chống nhà cửa, đắp đê
T9/2005	Bão số 7	Gió giật trên cấp 12; triều cường	Toàn TT (Đặc biệt khu vực Cồn Tàu)	Ngập lụt vượt qua mái nhà cấp 4 (4-5m), DT lúa hoa màu, nuôi trồng thủy hải sản mất trắng, 60% nhà đổ; 90% nhà tốc mái.	Gió quá mạnh Kết hợp triều cường; Đê chưa được kiên cố.	Thông tin cảnh báo và tổ chức sơ tán dân, chằng chống nhà cửa
T11/2012	Bão Sơn tinh	Diễn biến phức tạp khó dự đoán	Toàn TT	Chết 1 người (Lâm Sơn); thủy hải sản, mùa màng mất trắng.	Gió giật, mưa to kéo dài, Sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác, người dân chủ quan	Chằng chống nhà cửa;
2012	Nước biển dâng cao >1m	Ngày càng cao hơn	Khu vực ven biển, Cồn Tàu	Sạt lở bãi đất ven đê từ 100-200m	Nước ngập, Sỏi lở	Không
2005	Sét đánh		Khu vực Cồn Tàu Nam	Chết 1 người; cháy các thiết bị điện	Chập điện	

Cụm 4 (Lâm Khang, Lâm Quý, Lâm Dũng, Lâm Sơn và Lâm Ninh)						
9/1962	Bão C	Gió to cấp 12 Mưa 2,3 ngày	Toàn TT	35% nhà đổ, tóc mái; chết 6 người; Mất tàu thuyền; diện tích lúa, hoa màu mất trắng.	Nhà chưa kiên cố còn nhiều nhà đất, nhà tranh; Sức gió lớn	Chằng chống nhà cửa,
T9/2005	Bão lớn	Gió giật > cấp 12	Toàn TT	30% nhà tóc mái Diện tích lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng .	Sức gió quá mạnh, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp.	Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa; Bảo vệ tài sản của nhân dân; chuẩn bị vật tư ứng cứu.
T9/2007	Bão	Gió giật cấp.13,14	Toàn TT	10% nhà đổ; 50% nhà tóc mái Khó muối đồ, tóc mái, mất tàu thuyền; hoa màu mất trắng.	Còn nhiều nhà cấp 4; mưa nhiều ngập lụt trên diện rộng	Di dời dân khu bãi tắm, Còn Tàu; Chằng chống nhà cửa
T9/2012	Bão (Sơn tinh)	Gió cấp >16, mưa nhiều, ngày càng mạnh hơn	Toàn TT	Chết 1 người (Lâm Sơn); 70% cột điện bị đổ, 10% nhà đổ; 70% nhà bị tóc mái; diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu bị mất trắng Gia súc ,gia cầm bị nước cuốn trôi, chết 50%	Nhà chưa kiên cố; Sức gió quá mạnh; thông tin báo chưa chính xác.	Chằng chống nhà cửa
T7/2013	Bão	Gió cấp 8,9	Toàn TT	Ngập úng toàn bộ diện tích lúa, hoa màu	Triều cường không tháo được nước ra	
T5/2014	Ngập lụt		Khu vực Lâm Quý; Lâm Dũng Lâm Sơn	Ngập đường đi; đầm tôm; hoa màu mất trắng	Địa bàn khu đất trũng Triều cường	Khơi dòng chảy, tháo nước

PHU LUC 4. LICH MÙA VỤ

Cụm 1:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Làm muối												
Đánh bắt thủy hải sản gần bờ												
Nuôi trồng thủy hải sản												
Chăn nuôi (lợn, gà, ngan...)												
Trồng màu (lạc, rau, đậu các loại...)			Lạc			Đậu	tương		các	Loại	rau	
Trồng lúa												
Thợ hàn, thợ mộc, thợ xây...												
Kinh doanh dịch vụ												
Lễ hội Phật giáo		Lễ khao xuân tế tổ			Phật Đản			Đền Trần				
Lễ hội Công giáo			Lễ phục sinh								Lễ trầu lợt	Noen
Bão												
Ngập lụt												
Giông sét												
Nhiễm mặn												
Rét đậm, rét hại												

Nắng nóng												
Dịch bệnh cây trồng, vật nuôi												

Cụm 2:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa												
Trồng màu: lạc, rau, ngô, khoai, đậu tương												
Làm muối												
Đánh bắt thủy hải sản												
Nuôi trồng thủy hải sản												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Thợ xây, thợ mộc, thợ may												
Dịch vụ thương mại												
Lễ hội												
Bão												
Ngập lụt												
Nhiễm mặn												
Giông sét												
Rét đậm, rét hại												

Strong mù												
Dịch bệnh cây trồng												
Ô nhiễm môi trường												

Cụm 3:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Nuôi trồng thủy hải sản												
Trồng màu (lạc, đỗ, rau...)												
Trồng lúa												
Chăn nuôi (lợn, gà, vịt, bò...)												
Đánh bắt gân bờ												
Thợ xây, thợ hàn												
Làm ăn xa (làm thuê)												
Lễ hội công giáo												
Lễ hội phật giáo												
Bão												
Ngập lụt												
Nhiễm mặn												

Cụm 4:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Làm muối												
Đánh bắt thủy hải sản gần bờ												
Nuôi trồng thủy hải sản												
Trồng lúa trên vườn		Vụ 1	1				Vụ 2	2				
Trồng màu: lạc, rau, ngô, khoai, đậu tương												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Thợ xây, thợ mộc, thợ may												
Đi làm ăn xa												
Kinh doanh, Dịch vụ du lịch, thương mại												
Lễ hội			Lễ phụ c sinh				Kiên ng việc	Lễ đền				Noen
Bão												
Ngập lụt												
Nhiễm mặn												
Giông sét												
Rét đậm, rét hại												

Strong mù												
Dịch bệnh gia súc, gia cầm												

Toàn xã:

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Làm muối												
Đánh bắt thủy hải sản												
Nuôi trồng thủy hải sản												
Chăn nuôi (lợn, gà, ngan...)												
Trồng màu (lạc, rau, đậu các loại...)			Lạc			Đậu tươn g		các	Loại	rau		
Trồng lúa												
Thợ hàn, thợ mộc, thợ xây...												
Kinh doanh dịch vụ												
Lễ hội Phật giáo		Lễ khao xuân tế tổ			Phật Đản			Đền Trà n				
Lễ hội Công giáo			Lễ phụ c sinh				Lễ kiên g việc				Lễ trâu lượ	Noen
Bão												
Ngập lụt												
Giông sét												

Nhiễm mặn												
Rét đậm, rét hại												
Nắng nóng												
Sương mù												
Dịch bệnh cây trồng, vật nuôi												
Ô nhiễm môi trường												

PHU LUC 5. BẢNG PHÂN TÍCH SINH KẾ

Loại hình Sinh kế	Ai làm	Số người làm trong xã	Thu nhập ngày/tháng	Chính quyền xã có hỗ trợ gì không	Các mối nguy hiểm, rủi ro trong sinh kế	Thiệt hại, mất mát, tổn thương đã xảy ra	Các biện pháp đã áp dụng để giảm rủi ro, nguy hiểm	(Đề xuất) Các biện pháp thay thế khả thi
Cụm 1 (Tổ Lâm Hòa; Bình Trung và Lâm Chính)								
Làm muối	Nam + nữ	30 % số hộ	100.000đ/ người	Không	- Thời tiết: Nắng ít, mưa nhiều - Giá đầu ra thấp	Thu nhập thấp	Theo dõi nắm bắt thông tin thời tiết	Nên có cơ sở làm muối sạch để nâng đầu ra; quy hoạch DT đất làm muối sang trồng màu
Đánh bắt gần bờ	Nam 100%	15% số hộ	300.000đ/ người/ ngày	Hỗ trợ tiền dầu	Thiên tai, tai nạn lao động	Thiệt mạng, mất tài sản	Trang bị thiết bị định vị, phao, áo phao cứu sinh	
Trồng lúa	Nam+ nữ	20 % số hộ	1,2- 1,3 tạ/sào/ năm		Bão, lụt; sâu bệnh	- Mất mùa , giảm năng suất	Phun thuốc trừ sâu; áp dụng kinh nghiệm dân gian.	
Trồng màu	Nam+ nữ	90% số hộ	2 triệu đ/ sào/ năm	Không	Bão lụt Dịch bệnh Nhiễm mặn	- Mất mùa , giảm năng suất	Cải tạo đất Phun thuốc, bón phân.	
Chăn nuôi lợn, gà vịt...	Nam, nữ(80 %)	97 % số hộ	4- 4,5 triệu / năm	Tiêm phòng bệnh	Bệnh dịch, Bão, gió thiên tai	- Giảm năng suất thu nhập	- Xử dụng thuốc phòng bệnh - Vệ sinh chuồng trại; che chắn mùa đông,	

							thoáng mát mùa hè.	
Kinh doanh dịch vụ	Nữ +Nam	2 % số lao động	5-6 triệu / hộ /tháng		Thiếu vốn; thiếu nợ	- Thu nhập thấp		
Thợ xây	Chủ yếu là nam, nữ ít	5 % số lao động	4-5 triệu đ/ người/ tháng	Không	- Tai nạn lao động, ngã ráo	- Gãy chân tay, chết người ; suy giảm sức khỏe	- Bảo hộ trong lao động	Cần mua bảo hiểm y tế
Nuôi trồng thủy sản	Nam(80%), nữ	7-10% hộ	700 triệu đ/ mẫu/ năm	Không	- Dịch bệnh; Thời tiết; ô nhiễm nguồn nước, con giống không đảm bảo.	- Giảm năng xuất; mất trắng	- Cải tạo và vệ sinh ao đầm; phòng bệnh - Thay nước, nạo vét bùn đất, rắc vôi khử trùng	
Cụm 2 (Tổ Lâm Hạ; Lâm Thượng; Lâm Tân và Linh Tiến)								
Trồng lúa vụ đông	Nam, Nữ (80%)	25 % số hộ	50.00 0đ/sào /vụ		Bão, nhiễm mặn , Sâu bệnh,	- Mát mùa, giảm năng xuất	- Phun thuốc trừ sâu, bón phân lân, vôi bột.	Lót ni long đỏ đất lên trên để trồng lúa
Trồng màu	Nam+ nữ	95 % số hộ	1-2 triệu đ/ năm	Khi mát mùa hỗ trợ 10.000 đ/sào	Bão lụt Sâu bệnh Nhiễm mặn	- Mát mùa , giảm năng suất	Cải tạo đất Phun thuốc, bón phân.	
Làm muối	Nam+ Nữ Từ >50tu ổi	70 % số hộ	40.00 0đ/ng ày		Mưa , gió Giá đầu ra quá thấp	Hồng ô nè chạt, muối tan. Thu nhập thấp		Đã chuyển 70ha dt sang trồng màu
Chăn nuôi nhỏ lẻ	Nữ 100 %	90% số hộ	5 triệu/ năm / hộ	Tiêm phòng	- Dịch bệnh - mưa bão	- Chết lợn, gà - Lỗ vốn	- Vệ sinh chuồng trại - Tiêm	

							phòng sớm theo định kỳ	
Nuôi trồng thủy sản	Nam 100 %	60 số hộ	5-7 triệu/hộ/tháng	Thuốc phòng dịch bệnh	- Thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm nguồn nước, chất lượng con giống	- Mất sản lượng	- Xử lý ao đầm, thay nước, kiểm tra độ mặn và độ PH; chọn con giống, thức ăn, thuốc xử lý.	
Đánh bắt thủy hải sản	Nam 100 %	8-10 % số hộ	3-5 triệu /hộ/tháng	-Vay vốn - tiền dầu	Bão gió, trộm cắp ngư lưới cụ	Chết người, hỏng máy, mất lưới	Nâng cấp công suất tàu thuyền	
Thợ xây, thợ mộc,	Nam 90%	10 -15 % số hộ	4 triệu đ/tháng		- Ngã ráo, tai nạn	- Chết người, bị thương tật, ảnh hưởng sức khỏe		
Thợ may	Nữ (100%)	2 % số hộ	2 triệu/người/tháng			Thu nhập thấp, không ổn định		
Làm ăn xã	Nam +nữ	15 % số hộ	2-3 triệu/người/tháng	Tai nạn (lao động; giao thông)	Chết người; thương tích			
Kinh doanh, dịch vụ gia đình	Nam và Nữ	5-7 % số hộ	4-5 triệu /hộ /tháng		- Mua chịu, giá cả chất lượng kém, hàng ế đọng	- Thu nhập không ổn định		

Cụm 3 (Tổ Côn Tàu Đông; Côn Tàu Tây ; Côn Tàu Nam; Lâm Thợ và Lâm Tiên)

Trồng lúa	Nam, Nữ	300% số hộ	200đ/sào/năm	Không	Thiên tai, sâu bệnh, nhiễm mặn	- Mất mùa, giảm năng suất	- Phun thuốc trừ sâu	Cung cấp giống có năng suất cao, kháng bệnh tốt
Trồng	Nam,	80%	4 triệu/		-	- Giảm	- Phun	- Áp

màu	Nữ	số hộ	hộ/ tháng		Bão,lụt - Sâu bệnh	năng xuất	thuốc trừ sâu	dụng khoa học kỹ thuật - Đề nghị có dịch vụ thu mua và chế biến nông sản để có đầu ra cao.
Nuôi trồng thủy sản	Nam	15 % số hộ	300 triệu / ha/ năm		Thiên tai Bệnh đốm trắng, phân trắng nguồn nước nhiễm khuẩn	- Mất vốn, tài sản, thua lỗ	- Thuốc phòng bệnh - Vệ sinh ao đầm, rắc vôi - Thau rửa, thay nước	Cần có cơ sở SX con giống và dịch vụ cung cấp thức ăn đảm bảo
Đánh bắt hải sản	Nam	5% số hộ	2-3 triệu/ tháng/ người	Không	Mưa, bão	- Mất ngư lưới cụ, thiệt hại tài sản	Trang bị, phao, áo phao,đài thông tin để nghe trời tiết, thiên tai	- Đề nghị cho vay vốn và đóng tàu công suất lớn để đánh bắt xa bờ
Thợ xây	Nam, Nữ	60 người	4,5 triệu / người /tháng		Ngã ráo, tai nạn lao động	- Thiệt mạng (1 người) - Gãy chân tay (6 người) - Ảnh hưởng sức khỏe	Đeo khẩu trang; dây ủng; Bảo hộ lao động	
Đi làm xa	Nam, Nữ	20 người	3 triệu/thán g/ người		- Tai nạn lao động - Bệnh nghề nhiệm -Tệ nạn xã hội	- Bệnh tật - Ảnh hưởng sức khỏe - Nghiện hút (30 người)		
Chăn	Nam,	80 %	500.000đ/	Tiêm	Dịch	Thu nhập		

nuôi	nữ	số hộ	hộ/ tháng	phòn vacxin	bệnh:G à huyết trung; khô chân; bệnh phôi	kém, mất vốn		
Cụm 4 (Lâm Khang, Lâm Quý, Lâm Dũng, Lâm Sơn và Lâm Ninh)								
Trồng lúa vụ mùa trên đất màu	Nam, Nữ (60%)	80% số hộ	Năm nay mới trồng thí điểm					
Trồng màu	Nam, Nữ (60%)	80% số hộ	1,5 triệu/năm/ sào	- Được tập huấn kỹ thuật	- Nhiễm mặn, nhiễm mù, mưa, bão, lụt, dịch bệnh. - Chưa có nơi tiêu thụ sản phẩm. Giá sản phẩm thấp	- Mất mùa khoảng 80% - Thu nhập không ổn định	- Tưới nước, rửa mặn, chống lụt - Phun thuốc - Đa dạng các loại cây trồng	- Đề xuất có nơi tiêu thụ sản phẩm
Đánh bắt hải sản	Nam (100%)	20% số hộ	20 triệu/năm/ hộ	Có 1 năm hỗ trợ tiền dầu 20triệu/t huyện	- Bão, giông - Trộm lưới	- Mất lưới - Vỡ mùng, hồng máy	- Trồng coi lưới - Chằng mùng	- Đề nghị vay vốn lãi xuất thấp để đánh bắt hải sản
Nuôi trồng thủy sản	Nam, Nữ (60%)	3hộ	Thu nhập không ổn định					
Làm thuê	Nam, Nữ	60- 70% số hộ có người đi làm xa	2-3 triệu/thán g	- Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục pháp lý cho dân đi làm xa	-Tai nạn lao động	- Chết người		
Đệt cước	Nữ 100%	20% số hộ	300.000đ/ tháng		Ủ tai, đau đầu. có độc hại	- Sức khỏe bị giảm sút	Nhét bông vào tai	

PHỤ LỤC 6. BẢNG PHÂN TÍCH HIỂM HỌA TỰ NHIÊN, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Hiểm họa, hiện tượng thời tiết cực đoan	Tần suất	Mức độ tác động	Khi nào thường xảy ra	Diễn ra trong bao lâu	Dấu hiệu cảnh báo	Khu vực bị ảnh hưởng
Cụm 1 (Tổ Lâm Hòa; Bình Trung và Lâm Chính)						
Bão	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 7 - 10	30 giờ	Trời âm u, gió may, lác đác có mưa.	Toàn TT
Áp thấp nhiệt đới	Cao	Ít nghiêm trọng	Tháng 7-10	30 giờ	Mưa nhiều, nóng nực, chuồn chuồn bay nhiều	Toàn TT
Triều cường	Cao	Nghiêm trọng	Theo chiều con nước	3 , 4 ngày		Khu vực ven đê
Cụm 2 (Tổ Lâm Hạ; Lâm Thượng; Lâm Tân và Linh Tiến)						
Bão	Cao	Rất nghiêm trọng	Tháng 7-10	2 ngày	Biển sôi động, nước ương	Toàn TT
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 1-12	12 tháng	Cây bị úa vàng, chết	Tổ Lâm Hạ; Lâm Thượng; Lâm Tân và Linh Tiến
Giông sét	Trung Bình	Nghiêm trọng (chết 2 người)	Tháng 7- 8	2 phút	Mưa to, sấm chớp.	Lâm Chính, Lâm Quý
Rét đậm, rét hại	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 12-3	4 tháng	Sương mù, mưa phùn, gió bắc	Cánh đồng, nhà dân
Sương muối	Cao	Ít nghiêm trọng	Tháng 1-2	2 tháng	Biển sôi, om nồm Độ ẩm cao	Toàn TT.
Dịch bệnh trên cây trồng	Cao	Ít nghiêm trọng	Tháng 8- 10	3 tháng	Cây trồng úa, chết hàng loạt	Toàn TT.
Ô nhiễm môi trường	10 năm gần đây mới xuất hiện	Nghiêm trọng	Cả năm	12 tháng		Toàn TT.
Cụm 3 (Tổ Cồn Tàu Đông; Cồn Tàu Tây ; Cồn Tàu Nam;Lâm Thọ và Lâm Tiên)						
Bão	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 6-10	Từ 1-2 ngày	Thời tiết oi nóng không có gió	Toàn TT (Khu Cồn Tàu bị nghiêm trọng)
Ngập lụt	Cao	Nghiêm	Tháng 4-9	từ 5-7	Mưa to kéo dài	Khu vực Cồn

		trọng		ngày		Tàu
Xâm nhập mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 4-9	Từ 3-4 ngày/ tháng	Triều Cường, nước biển dâng	Khu vực Côn Tàu
Giông sét	Trung bình	Nghiêm trọng	Tháng 4-9	Nhanh chóng	Thời tiết u ám, mưa giông	Toàn TT
Cụm 4 (Lâm Khang, Lâm Quý, Lâm Dũng, Lâm Sơn và Lâm Ninh)						
Bão	Cao	Rất nghiêm trọng	Tháng 6-11	1,5-3 ngày	Biên gằm, song to, mưa lác đác, trời oi nóng	Toàn TT
Nhiễm mặn	Cao	Rất nghiêm trọng	Tháng 1-12	Cả năm	Cây trồng chết	Tổ Lâm Quý; Lâm Dũng; Lâm Sơn
Rét đậm	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 12- 3	4 tháng	Váng nước đen	Toàn xã
Ngập úng	Cao	Nghiêm trọng(10 năm trở lại đây mức nước ngập cao hơn)	Tháng 4-11	1-2 ngày	Mưa nhiều, Triều Cường	Toàn TT
Sương muối	Cao	Nghiêm trọng (Ngày càng nhiều hơn)	Tháng 1- 3	3 tháng	Độ ẩm cao, nước biển bốc hơi	Toàn TT
Giông sét	Trung bình	Nghiêm trọng	Tháng 3-10	5-10 phút	Sấm chớp, mưa	Khu Côn Tàu; Lâm Quý
Dịch bệnh gia súc, gia cầm	Trung bình	Nghiêm trọng	Tháng 10-3	1 tháng	Bỏ ăn, chết hàng loạt.	Toàn TT

PHỤ LỤC 7: TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NHÓM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG

NHÓM PHỤ NỮ NGHÈO			
RỦI RO	TTDBTT	KHẢ NĂNG	ỨNG PHÓ
Thiệt hại về sức khỏe (bị đau xương khớp và mắc bệnh phụ khoa, nhiễm độc, tai nạn thương tích, dịch bệnh)	<p>Thiếu lao động chính là nam nên phụ nữ (đặc biệt hộ phụ nữ nghèo đơn thân) phải làm tất cả các công việc để tạo thu nhập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm muối. - Phun thuốc sâu. - Lao động phụ thợ nề, đưa vật liệu xây dựng lên cao. - Thu gom hải sản đánh bắt trên thuyền. - Thu gom rác thải. - Vệ sinh ao đầm nuôi trồng thủy hải sản. - Vệ sinh chuồng trại chăn nuôi, hồ xí không hợp vệ sinh, tiếp xúc môi trường ô nhiễm, vi khuẩn dễ xâm nhập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có trang bị bảo hộ lao động. - Có sức lao động, cần cù, chịu khó. - Được Hội phụ nữ xã hỗ trợ vay vốn (mỗi hộ nghèo từ 2 - 5 triệu trong 2 năm không phải trả lãi) để phát triển kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần hỗ trợ mua bảo hiểm y tế. - Cần có nhiều nghề phụ phù hợp với phụ nữ để tăng thu nhập. - Trang bị bảo hộ lao động tốt hơn. - Thiết bị lao động cơ giới có thể giảm bớt lao động sức lực như dùng ròng rọc kéo vật liệu xây dựng lên cao thay vì phụ nữ đưa lên. - Kiểm tra phương tiện, dụng cụ, môi trường an toàn trước khi lao động. - Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ phát hiện bệnh tật, chữa trị, chăm sóc sức khỏe.
Thiệt hại tính mạng, sức khỏe, nhà cửa do bão	Hộ phụ nữ nghèo còn nhiều nhà ở xuống cấp thiếu an toàn khi có gió bão. Đặc biệt là những hộ phụ nữ nghèo đơn thân khi có gió bão thay nam giới chằng chống nhà cửa.	<ul style="list-style-type: none"> - Có kinh nghiệm phòng chống bão và tinh thần tương trợ giúp nhau khi thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự mình (hoặc nhờ người xung quanh giúp đỡ) mua lưới chằng chống nhà cửa. - Hội phụ nữ và các tổ chức đoàn thể xã hội, ngân hàng nhà nước cho vay vốn, giúp đỡ kinh phí, vật liệu, công xây dựng để sửa chữa nhà ở. - Nhờ người giúp đỡ kiểm tra gia cố nhà cửa an toàn trước thiên tai (không chờ đến mùa mưa bão mới chằng chống, gia cố).
NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ NGƯỜI THU NHẬP THẤP			

RỦI RO	TTDBTT	KHẢ NĂNG	GIẢI PHÁP
Con cái bị lôi kéo tệ nạn xã hội, ảnh hưởng sức khỏe, tiềm ẩn bệnh tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn phải đi vay mượn lãi suất cao. - Trồng lúa, màu, chăn nuôi gia súc gia cầm thua lỗ do thiên tai, dịch bệnh. - Nghề làm muối, ngày công quá thấp, chưa đảm bảo đời sống. - Thiếu chăm sóc con cái, trẻ em bỏ học. - Tham gia phục vụ nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ du lịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau khi khó khăn. - Có kinh nghiệm trồng lúa, màu và chăn nuôi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có chính sách hỗ trợ người nghèo vay vốn lãi suất thấp để làm kinh tế khắc phục khó khăn. - Cần đầu tư thiết bị làm muối sạch. - Cần có chính sách điều chỉnh, quản lý giá vật tư, thiết bị sản xuất muối phù hợp, trợ giá, bao tiêu sản phẩm muối. - Giúp đỡ trẻ em trai và trẻ em gái hộ nghèo có điều kiện học chữ, học nghề, hướng nghiệp, giới thiệu công ăn việc làm ổn định
Thu nhập thấp ảnh hưởng sức khỏe bệnh tật	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên ốm yếu. - không có điều kiện chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh. - Khi ốm đau không có tiền mua thuốc chữa bệnh. - Một số hộ dân có hồ xí chưa đảm bảo vệ sinh. - Hệ thống tiêu thoát nước một số hộ chưa đảm bảo. - Môi trường lao động ô nhiễm, độc hại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Cần hỗ trợ vốn, giống cây trồng, vật nuôi, hướng dẫn làm ăn có hiệu quả, tăng thu nhập, cải thiện đời sống. - Có chính hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người có thu nhập thấp, tạo cơ hội họ tiếp cận nhiều hơn với các dịch vụ y tế, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe - Cần có phòng khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho người nghèo. - Cần đầu tư vốn cho hộ nghèo xây hồ xí hợp vệ sinh và xây dựng hệ thống thoát nước. - Trang bị bảo hộ lao động, hạn chế tiếp xúc trực tiếp môi trường ô nhiễm, độc hại.
Người khuyết tật ốm đau,	<ul style="list-style-type: none"> - Gặp khó khăn khi di chuyển. - Sức khỏe yếu, không chịu được thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thẻ bảo hiểm y tế khám và chữa bệnh. - Được nhà nước hỗ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có chương trình hỗ trợ phục hồi chức năng cho người khuyết tật. - Cần hỗ trợ phương tiện đi

bệnh tật, mặc cảm và có nguy cơ dễ bị thiệt hại đến tính mạng, thương tích khi sơ tán trong mùa bão	<p>tiết khí hậu khắc nghiệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận thông tin về thiên tai bị hạn chế. - Mặc cảm, xa lánh người thân, cộng đồng. - Còn nhiều rào cản của cộng đồng (ít quan tâm đến phương tiện, thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật; chưa lắng nghe ý kiến của họ, thậm chí còn có biểu hiện kỳ thị, phân biệt đối xử). 	trợ 180.000đ/tháng	<p>lại (xe lăn, xe lắc, tay chân giả, máy trợ thính, kính khiếm thị...) cho người khuyết tật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần có chính sách ưu tiên người khuyết tật đặc biệt đối với người khuyết tật nghèo cần được hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần. - Xóa bỏ rào cản của cộng đồng, xã hội đối với người khuyết tật bằng sự giúp đỡ, cảm thông, chia sẻ; lắng nghe người khuyết tật nói, hiểu hơn những khó khăn, nhu cầu của người khuyết tật để giúp đỡ họ; tạo cho người khuyết tật có nhiều cơ hội hòa nhập cộng đồng, hiểu biết được các nguy cơ rủi ro của thiên tai.
---	---	--------------------	---

NHÓM HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

RỦI RO	TTDBTT	KHẢ NĂNG	GIẢI PHÁP
Học sinh có nguy cơ bị đuối nước	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ học sinh biết bơi thấp (70-80% học sinh không biết bơi). - Chưa dạy bơi cho học sinh Tiểu học. - Trong ngày nghỉ học, các em cùng gia đình đi bắt hải sản nên gặp nhiều rủi ro. - Một số trẻ em đi tắm biển không có người lớn đi kèm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Được cha mẹ và nhà trường đã nhắc nhở đề phòng đuối nước. - Có địa điểm cho học sinh tập bơi. - Có chương trình dạy bơi cho một số học sinh THCS và hàng năm đã tổ chức thi bơi lội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần tập huấn cho giáo viên và học sinh về cách phòng chống và sơ cấp cứu khi đuối nước. - Cần dạy bơi cho tất cả học sinh. - Trẻ em phải đi tắm biển cùng người lớn.
Nguy cơ thiệt hại về sức khỏe do thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số giáo viên và học sinh thiếu kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa - thích ứng với BĐKH. - Thiếu các tài liệu dạy và học về BĐKH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Được cha mẹ và nhà trường nhắc nhở đề phòng khi có bão. - Giáo viên và học sinh chủ động phòng chống bão lụt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần tập huấn về phòng ngừa ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho giáo viên, học sinh. - Cần cung cấp trang thiết bị và tài liệu về phòng ngừa thảm họa, BĐKH cho trường học.

		- Đã có hệ thống thoát nước.	
Nguy cơ học sinh bị tai nạn giao thông	- Học sinh đi học trên trục đường giao thông chính.	Được cha mẹ và nhà trường tuyên truyền nhắc nhở thực hiện an toàn giao thông.	- Thường xuyên tuyên truyền cho học sinh về luật an toàn giao thông. - Cần tập huấn cho giáo viên và học sinh về an toàn giao thông.
Học sinh bỏ học, hư hỏng	Gia đình quản lý con em chưa chặt chẽ. Học sinh ham chơi điện tử.		- Tuyên truyền cho các em thấy tác hại của ma túy và trò chơi điện tử. - Phụ huynh kết hợp với nhà trường quản lý con em chặt chẽ hơn.

NHÓM NGƯỜI SỐNG TRONG VÙNG HIỂM HỌA THIÊN TAI

RỦI RO	TTDBTT	KHẢ NĂNG	GIẢI PHÁP
Mất mùa lúa, màu và thiệt hại nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc gia cầm do thiên tai.	- Diện tích đất trồng lúa, màu bị ngập úng vào mùa mưa bão và bị nhiễm mặn, sương mù, sâu bệnh... - Các bờ đê, ao bị phá hủy, mất tôm, khi có mưa, bão - Dịch bệnh trên gia súc, gia cầm do thời tiết nắng nóng, mưa nhiều.	- Có tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau khi khó khăn. - Có kinh nghiệm trồng lúa, màu và chăn nuôi	- Thau chua rửa mặn - Phun thuốc trừ sâu trên lúa, màu. - Gia cố bờ ao đê - Tiêm thuốc phòng chống bệnh cho gia súc gia cầm. - Cần hỗ trợ vốn vay để đầu tư cho sản xuất.
Thiệt hại nhà cửa, mất tài sản, chết người, tai nạn do bão	- Một số nhà hộ dân ở vùng nguy cơ cao ven đê là nhà bán kiên cố, đặc biệt có hộ dân nhà đã xuống cấp mất an toàn khi có gió bão. - Có 1 km đê đầu mỗi thủy lợi từ giáp xã Giao Phong đến Cồn	- Có dự trữ lương thực, thực phẩm trong khi mưa bão. - Có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa. - Được hỗ trợ nước uống và mỳ tôm khi sơ tán bão (Doanh nghiệp Tám Lan, Quang Sung, Hưng Thịnh, Chùa Phúc Lâm)	- Di dời dân đến nơi an toàn (Trường học, Xã Giao Thịnh). - Chằng chống nhà cửa. - Nhà nước cho vay vốn để sửa chữa, nâng cấp nhà ở. - Kiên cố hóa 1k m đê biển đầu mỗi thủy lợi

	<p>Tàu Nam chưa được kiên cố hóa.</p> <p>- 2,1 km đoạn đường cứu hộ Lâm Dũng, Lâm Sơn, Cồn Tàu Tây, Cồn Tàu Nam, N8 đã có đề án được duyệt nhưng chưa thi công do thiếu vốn.</p> <p>- Phần lớn hộ dân ở vùng nguy cơ cao tham gia đánh bắt hải sản chưa có nơi neo đậu tàu thuyền an toàn.</p>	<p>- Tàu thuyền đánh bắt hải sản được tu sửa nâng công suất có khả năng chạy trú gió bão</p>	<p>- Nâng cấp đoạn đường cứu hộ cứu nạn.</p> <p>- Cần xây dựng nơi neo đậu tàu thuyền an toàn.</p>
--	--	--	--

PL 8: PHÂN TÍCH TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG, KHẢ NĂNG

Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp ứng phó
HỢP PHẦN SINH KẾ			
Mất mùa, giảm năng suất (lúa, hoa màu, muối)	<ul style="list-style-type: none"> - Có 17,45 ha diện tích trồng lúa, màu thường bị thâm thấu mặn vào vụ xuân, ngập úng vào vụ mùa . - Diện tích đất trồng lúa xen lẫn với trồng màu. - Sâu bệnh, chuột, ốc bươu vàng phá hoại. - Giá cả phân bón thuốc bảo vệ thực vật cao, giá nông sản thấp. - Phương tiện sản xuất cơ giới còn thiếu, công suất nhỏ. - Có 20,5 km đường giao thông nội đồng chưa được cứng hóa - Hệ thống kênh mương hẹp, tiêu thoát nước kém, rác thải bèo ách tắc dòng chảy. - Phân bón thuốc trừ sâu kém chất lượng. - Thủy lợi đầu mỗi đoạn sát biển hơn 1 km chưa được kè cao dẫn đến cát biển vùi lấp không tiêu thoát nước được. - Công tiêu thoát nước Tây Cồn Tàu bị vùi lấp chưa được khơi thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 17,45 ha đất sản xuất lúa 2 vụ và trồng màu xen canh vụ đông. - Có phương tiện sản xuất cơ giới như máy cày, máy tuốt, máy bơm nước... - Có khoảng 5% hộ sinh sống chủ yếu nghề trồng lúa, có lao động nam và nữ tham gia. - Có HTX dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp, thủy lợi tưới, tiêu và chăm sóc bảo vệ thực vật. - 20,5 km đường giao thông nội đồng đất phục vụ sản xuất. - Có kinh nghiệm dân gian trong chọn giống lúa, bảo vệ cây trồng diệt ốc bươu vàng; - Có kinh nghiệm thau chua rửa mặn. - Có khả năng chăm sóc mùa màng, phát hiện dịch bệnh. - Kênh mương thủy lợi được đóng góp công, kinh phí nạo vét phục vụ tưới tiêu cây trồng. - Diện tích làm muối là 147,20 ha, có lao động nam, nữ làm muối. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần duy trì thường xuyên thau rửa diện tích đất chua phèn, thâm thấu mặn. - Qui hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng, nạo vét kênh mương làm thông thoáng dòng chảy, xây dựng hệ thống mương nổi để có nước phục vụ sản xuất lúa và nuôi trồng thủy sản riêng biệt. - Tổng kết rút kinh nghiệm chọn giống lúa kháng bệnh cao vào sản xuất. - Phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc bảo vệ thực vật và kinh nghiệm dân gian - Tăng cường phương tiện cơ giới vào sản xuất như máy cày, máy tuốt. - Cần cứng hóa 20,5 km đường nội đồng để phục vụ sản xuất. - Kiểm tra và có hướng dẫn nhân dân chọn phân bón thuốc trừ sâu đảm bảo chất lượng. - Thủy lợi đầu mỗi đoạn sát biển hơn 1 km cần được kè cao để cát biển vùi lấp tiêu thoát nước được. - Nâng cấp sửa chữa phục hồi công tiêu thoát nước Tây Cồn Tàu.

	<ul style="list-style-type: none"> - Nghề làm muối phụ thuộc vào thiên nhiên ngày nắng theo chu kỳ làm muối ít, ngày mưa nhiều - Phương tiện sử dụng trong nghề làm muối còn thiếu và thô sơ - Chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào làm muối - Đầu ra của sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn - Thị trường tiêu thụ không rộng rãi, giá sản phẩm thấp dẫn đến thu nhập kém, nhiều hộ dân bỏ nghề làm muối để có thu nhập tốt hơn. (một số diện tích muối bị bỏ hoang) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng một số vật liệu trong tự nhiên để làm công cụ sản xuất (tre, nứa). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có hệ thống kênh mương cung cấp nước làm muối riêng. - Cần có chính sách hỗ trợ để duy trì nghề làm muối như: trợ giá, bao tiêu đầu ra. - Tăng cường đầu tư thiết bị làm muối sạch - Ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm muối sạch, giúp đầu ra thuận lợi. - Chuyển diện tích làm muối kém hiệu quả sang trồng màu hoặc nuôi trồng thủy hải sản
<p>Đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản nguy cơ cao mất vốn ảnh hưởng đời sống</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện đánh bắt thô sơ - Ngư lưới cụ đánh bắt thường xuyên bị mất cắp, trang thiết bị trên tàu, thuyền không an toàn - Ngư dân thiếu kiến thức về phòng ngừa ứng phó thiên tai, chủ quan thiếu thông tin - Nguồn lợi hải sản bị cạn kiệt - Nguồn nước nuôi trồng thủy sản bị ô nhiễm, nuôi trồng nhỏ lẻ, xen kẽ giữa nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 149 tàu thuyền, mùng, mảng phục vụ cho đánh bắt xa và gần bờ (trong đó có 67 chiếc tàu công suất dưới 40cv, 82 chiếc từ 72-120cv) và 45 mùng mảng. - Các phương tiện đánh bắt được trang bị đầy đủ như: phao, áo phao, bộ đàm, định vị... - Diện tích nuôi trồng thủy hải sản là 79,44 ha theo hướng bán công nghiệp (nuôi tôm thẻ chân trắng,); 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần có chính sách ngư dân vay vốn đóng tàu thuyền công suất lớn phục vụ đánh bắt xa bờ, vay vốn kiên cố hồ ao đầm. - Tổ chức lực lượng tuần tra canh gác, bảo vệ ngư lưới cụ, tàu thuyền. - Có biện pháp xử phạt các hành vi xung điện, bắt cá lưới nhỏ dẫn đến tuyệt chủng loài thủy hải sản. - Khuyến khích sản xuất cung cấp tôm giống trên địa bàn.

	<p>trồng thủy sản và diện tích trồng lúa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu chủ động trong chọn con giống (chủ yếu mua ở ngoài tỉnh không kiểm soát được chất lượng) - Kiến thức áp dụng khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm nuôi trồng thủy hải sản còn hạn chế. - Bờ ao đầm chưa được kiên cố, dễ vỡ và ngập úng khi có mưa bão dẫn đến dịch bệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ nuôi trồng thủy hải sản được ngân hàng cho vay vốn - Được tập huấn kiến thức khoa học kỹ thuật. - Có kinh nghiệm trong nuôi trồng. - Có lao động nam nữ tham gia 	
<p>Chăn nuôi có nhiều rủi ro ảnh hưởng đến đời sống nhân dân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi nhỏ lẻ khó phòng ngừa dịch bệnh. - Gia trại chăn nuôi xen kẽ khu dân cư, nước thải, chất thải chăn nuôi chưa được xử lý làm ô nhiễm môi trường. - Dịch bệnh phát sinh. - Giá cả bấp bênh (giá con giống cao, giá lợn thịt thấp). - Kiến thức áp dụng vào chăn nuôi còn hạn chế. - Chuồng trại thường bị thấp, ngập lụt khi có gió to, mưa lớn, chưa phù hợp theo thời tiết từng mùa 	<ul style="list-style-type: none"> - 60 – 70% số hộ chăn nuôi. Trên địa bàn có 19 gia trại chăn nuôi lợn, mỗi gia trại có từ 50 đến 100 con - Tận dụng được lao động nông nhàn trong gia đình - Tận dụng được thức ăn dư thừa của gia đình. - Có cơ sở cung cấp thức ăn chăn nuôi trên địa bàn. - Có khả năng tự chế biến một phần thức ăn cho gia súc gia cầm. - Gia súc gia cầm thường xuyên được tiêm phòng vắc xin, - Có kinh nghiệm trong chăn nuôi. - Có lao động nam, nữ, người già, trẻ em tham gia chăn nuôi, chăm sóc gia súc, gia cầm 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần qui hoạch chăn nuôi theo mô hình trang trại xa khu dân cư. - Cần tăng cường tiếp cận mạng lưới thú y để phòng ngừa dịch bệnh trên vật nuôi. - Tìm thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân. - Khuyến khích mô hình xây bể bi ô ga để xử lý phân vật nuôi tạo khí đốt để tiết kiệm chất đốt, hợp vệ sinh. - Xây dựng chuồng trại phòng ngập lụt, kín về mùa đông, thoáng mát về mùa hè.
<p>Kinh doanh dịch vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ du lịch còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Là thị trấn có địa hình giáp biển, có khu du lịch từ đó thuận lợi thúc đẩy các ngành 	

<p>(du lịch, thương mại) tạo thu nhập cho người dân</p>	<p>- Thu nhập giảm do lượng khách trong những ngày mưa bão, nhiều người từ địa phương khác đến khu du lịch dẫn đến các tai tệ nạn xã hội gia tăng, - Hàng hóa còn tồn đọng nhiều mặt hàng chất lượng không đảm bảo, đọng vốn, người mua nợ nhiều.</p>	<p>dịch vụ buôn bán các mặt hàng phát triển (dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống) - 56 nhà nghỉ, 124 ki ốt, số phòng đạt chuẩn là 897. Hàng năm thu hút khoảng 20 vạn lượt người/năm.</p>	
<p>ĐIỀU KIỆN SỐNG CƠ BẢN</p>			
<p>Tính mạng, tài sản nhà ở không an toàn khi có thiên tai bão lũ xảy ra (nhất là bão lớn, siêu bão)</p>	<p>- Nhà bán kiên cố có 24,7%. trong đó có 5% nhà xuống cấp. - Hệ thống đường giao thông một số tổ dân phố đã xuống cấp (Cồn Tàu Nam, Lâm Quý, Lâm Dũng, Lâm Sơn, Lâm Tân) - Hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư còn 50% chưa đạt tiêu chuẩn. - Còn 20,5 km đường nội đồng là đường đất bị lầy lội mùa mưa - Theo qui hoạch còn thiếu 1 trạm điện trong tương lai sẽ thiếu 3 trạm nữa. Đường điện từ UBND thị trấn ra khu du lịch chưa được nâng cấp bằng giấy bọc. - Còn 4 tổ dân phố chưa có nhà văn hóa (Lâm Chính, Bình Trung, Lâm Dũng, Lâm Sơn). - Trạm y tế chưa được</p>	<p>- Có 75,3% nhà kiên cố - Đường tỉnh lộ 486 dài 2,1 km trục đường thị trấn có 8,2 km đã được láng nhựa, đường trục tổ dân phố 13,3/15 km được bê tông hóa. - Hệ thống kênh mương tưới, tiêu cấp 1,2,3 là 40 km - Có 8 trạm biến áp cung cấp điện cho nhân dân. - 13/17 tổ dân phố đã có nhà văn hóa. - Có 2 trường (Mầm Non, Tiểu Học) đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2 các trường học cao tầng kiên cố làm điểm sơ tán dân khi có bão. - Có 3/3,2 km được bê tông hóa ngăn nước biển phục vụ du lịch. - Có phương án, và lực lượng</p>	<p>- Xây dựng nhà kiên cố, cần có mô hình nhà chịu đựng được thiên tai, thích ứng BĐKH. - Đầu tư bê tông đường nội đồng. - Hỗ trợ vay vốn, giúp hộ nghèo xây dựng nhà ở đảm bảo an toàn khi có thiên tai. - Nâng cao trình độ biển.</p>

	<p>kiên cố hóa, thiếu trang thiết bị, tỷ lệ người sinh con thứ 3 còn cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn khoảng 1 km đê biển tuyến 1 là đê đất chưa được kiên cố hóa, còn 3 km đê biển cao trình thấp, mái đê, kè có nhiều kẽ hở dễ bị sạt lở khi nước triều dâng cao 0,5 mét. Không chịu được gió bão từ cấp 10 trở lên. - Đê biển chưa có mỏ kè. <p>Đoạn đường cứu hộ thuộc tổ dân phố Lâm Dũng, Lâm Sơn, Cồn Tàu Tây, Cồn Tàu Nam, N8 (đã có dự án) do thiếu vốn nên 2,1 km chưa được thi công.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khoảng 1 km đê biển đầu mối chưa được kè bị cát biển vùi lấp tắc nghẽn dòng chảy hạn chế cung cấp nước cho làm muối và nuôi trồng thủy hải sản. - Người dân thiếu thông tin về diễn biến thiên tai (khi mất điện hệ thống truyền thanh không phát được) đồng thời không có loa cầm tay, âm ly lưu động; thiếu bảng tin, biển báo tại các tổ dân phố và khu vực xung yếu, nguy cơ cao. - Xu hướng bão lớn, nước biển dâng xảy ra trên địa bàn ngày càng cao hơn, mạnh hơn vượt khả năng chống chịu đối với các nhà ven đê - Cán bộ và lực lượng 	<p>cứu hộ cứu nạn.</p>	
--	--	------------------------	--

	cứu hộ cứu nạn thiếu kiến thức, kỹ năng và trang thiết bị PNUPTH.		
Ảnh hưởng sức khỏe, dịch bệnh xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống xử lý rác thải còn hạn chế chủ yếu là chôn lấp. - Các thùng chứa rác thải tại khu dân cư chưa có nắp đậy. - Chưa có hệ thống cấp nước sạch tập trung chủ yếu người dân hiện đang sử dụng nước giếng khoan. - Có 20% hộ chưa có hố xí hợp vệ sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đội thu gom rác thải 11 lần/ngày đối với khu du lịch, khu trung tâm thị trấn 2 ngày/lần đối với các tổ dân phố. Rác được phân loại và xử lý bằng chôn lấp. - 75,3% số hộ có giếng khoan, 30% hộ có thiết bị lọc nước, 70% hộ có bể chứa nước mưa.- 80% số hộ có hố xí hợp vệ sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần đầu tư hệ thống xử lý rác thải tập trung tại bãi rác. - Cần có các lớp tập huấn về kiến thức nước sạch, vệ sinh môi trường cho cán bộ tình nguyện viên và người dân.
SỰ TỰ BẢO VỆ VÀ BẢO VỆ CỘNG ĐỒNG			
Thiệt hại về tính mạng và tài sản do bão lụt	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa truyền thanh không dây công suất yếu, các bảng tin, biển báo ở vùng nguy cơ cao chưa được lắp đặt. Chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay. - Khi có mưa bão thường mất điện, không nghe được nên người dân không chủ động trong phòng chống thiên tai. - Có 60% lực lượng trong đội xung kích chưa được tập huấn về kỹ năng kiến thức phòng ngừa ứng phó với thiên tai. - Đội ứng phó chưa được tập huấn, trang thiết bị, phương tiện không có thuyền, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, ủng... - Có 68% người dân là trẻ em, phụ nữ, người già 	<ul style="list-style-type: none"> - Có Ban chỉ huy phòng chống thiên tai được phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách địa bàn dân cư. - Có hệ thống loa truyền thanh đến các tổ dân phố - Lực lượng xung kích tại chỗ có 250 người tại 17 tổ dân phố - Có các trường học, trụ sở Ủy ban và các nhà cao tầng kiên cố để di dời dân khi có thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh, lắp đặt các bảng tin, biển báo, cùm loa truyền thanh tại cộng đồng đặc biệt là nơi xa trung tâm. - Cần được tập huấn kỹ năng kiến thức, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa như: máy phát điện, âm thanh lưu động, loa cầm tay, áo phao, phao cứu sinh..v.v... - Xây bể bơi, tập bơi, tập huấn sơ cấp cứu cho cộng đồng và trường học. - Tuyên truyền tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân, giáo viên và học sinh

	<p>không biết bơi, chưa được thực hành bơi dẫn đến đuối nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác phòng chống lụt bão. Do thông tin cảnh báo không chính xác. - Do thiếu kinh phí nên khi điều động lực lượng xung kích phòng chống thiên tai kém hiệu quả. - Người dân chưa được tham gia vào kế hoạch và phương án phòng chống bão, lụt thiên tai cũng như cách phòng chống. - Bãi tắm biển chưa có trạm cứu hộ, lực lượng và phương tiện cứu hộ còn thiếu 		<p>về kiến thức phòng ngừa thảm họa và biến đổi khí hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần xây dựng trạm cứu hộ, thành lập đội cứu hộ, trang thiết bị phương tiện cứu hộ và tập huấn chuyên nghiệp cho đội cứu hộ; có cơ chế chính sách hỗ trợ duy trì đội cứu hộ biển, khi cần sử dụng cứu hộ cho địa phương. - Có biển cảnh báo đoạn biển nước sâu nguy cơ đuối nước. - Trẻ em tắm biển phải có người lớn quản lý.
--	---	--	--

TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ CHÍNH QUYỀN

<p>Công tác điều hành phòng chống thiên tai lụt bão còn khó khăn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kinh phí và trang thiết bị cho việc phục vụ phòng chống thiên tai. - Sự phối kết hợp giữa các tổ chức, các ngành và người dân chưa chặt chẽ, đồng bộ trước, trong và sau thiên tai. - Việc lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương còn hạn chế. - Lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro và thích ứng với BĐKH của MTTQ và các đoàn thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Có Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN, có 130 người trong đội xung kích của thị trấn được phân công nhiệm vụ cụ thể và phụ trách các tổ dân phố, mỗi TDP có 15 người tham gia công tác PCTT, đảm bảo đủ vật tư dự trữ khi có thiên tai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần tập huấn và trang bị cho các thành viên BCH PCLB và TKCN, đội xung kích cứu hộ cứu nạn. - Cần có cơ chế chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện phòng chống thiên tai, kêu gọi nguồn lực thực hiện nhiều hơn, tốt hơn các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH. - Cần tiếp nhận và
---	--	--	--

	<p>chưa nhiều, còn hạn chế.</p>	<p>triển khai các dự án giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng BĐKH như dự án VFD.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; các chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể xã hội. - Quan tâm các chính sách phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo gắn quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng BĐKH. - Hàng năm cần tổ chức diễn tập phòng ngừa ứng phó thảm họa. - Động viên, khen thưởng hoặc có biện pháp kịp thời với cá nhân làm tốt công tác phòng chống thiên tai.
--	---------------------------------	--

PHU LỤC 9. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI VẤN ĐỀ VÀ BIỆN PHÁP GIẢM NGHE RỦI RO

TT	Vấn đề	Các nguyên nhân	Cách khắc phục	Hoạt động cụ thể	Kế hoạch thực hiện		
					Ai sẽ làm	Mức độ cấp thiết	Các nguồn lực
1.	Người dân lo lắng về an toàn tính mạng và tài sản khi có thiên tai bão lụt	Sạt lở tuyến đường giáp biển (đê 1) phục vụ thăm quan nghỉ mát do mái đê yếu và cao trình đê thấp, chưa có mỏ kè	- Kiên cố và nâng cao trình tuyến đường giáp biển (đê 1) phục vụ thăm quan nghỉ mát - Bỏ mỏ kè	Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, đề nghị và kêu gọi đầu tư.	Chính quyền	Dài hạn	Ngân sách Nhà nước, kêu gọi nhà tài trợ
		200m tuyến đường giáp biển tham quan nghỉ mát chưa được kiên cố	Kiên cố 200m tuyến đường giáp biển	Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, đề nghị và kêu gọi đầu tư.	Chính quyền địa phương,	Dài hạn	Ngân sách Nhà nước, kêu gọi nhà tài trợ
		Đường cứu hộ cứu nạn hộ Lâm Dũng, Lâm Sơn, Còn Tàu Tây, Còn Tàu Nam, N8 (2,1 km) chưa được kiên cố, đi lại khó khăn	Nâng cấp đường cứu hộ cứu nạn	Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, đề nghị và kêu gọi đầu tư.	Chính quyền	Dài hạn	Ngân sách Nhà nước, kêu gọi nhà tài trợ

		Đội cứu hộ cứu nạn còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và phương tiện phòng ngừa ứng phó thảm họa.	Nâng cao kiến thức, kỹ năng và trang bị phương tiện phòng ngừa ứng phó thảm họa cho đội cứu hộ cứu nạn.	Tập huấn và cung cấp trang thiết bị: áo phao, thuyền, đèn pin, cửa máy.... cho đội cứu hộ cứu nạn.	Chính quyền, dự án	Ngắn hạn	Xin hỗ trợ từ các dự án
		Thiếu thông tin cảnh báo phòng ngừa ứng phó thảm họa.	Tăng cường hệ thống thông tin cảnh báo phòng ngừa ứng phó thảm họa	Bổ sung thêm cụm loa ở các khu dân cư xa trung tâm, trang bị loa cầm tay, âm ly lưu động đến các tổ dân phố.	Chính quyền, dự án	Ngắn hạn	Ngân sách địa phương, dự án
		Thiếu rừng và rừng ngập mặn bị xâm hại do chặt phá rừng và sạt lở	Bảo vệ rừng ngập mặn	- Tuyên truyền cho người dân về lợi ích của rừng ngập mặn và công tác bảo vệ rừng. - Chính quyền và các cơ quan chức năng cần quản lý chặt chẽ, có biện pháp xử lý kịp thời các đối tượng chặt phá rừng ngập mặn. - Trồng bổ	Chính quyền địa phương, dự án	Ngắn hạn	Nhà nước và dự án

				<p>sung rừng ngập mặn ở vùng đất bãi bồi còn trống.</p> <p>- Xây dựng qui chế và có chính sách bảo vệ rừng.</p>			
		<p>Chưa có trạm cứu hộ cứu nạn tại bãi tắm biển và lực lượng cứu hộ cứu nạn thiếu kiến thức kỹ năng và trang thiết bị cứu hộ cứu nạn</p>	<p>- Xây trạm cứu hộ cứu nạn tại bãi tắm biển</p> <p>- Trang bị kiến thức kỹ năng cho đội cứu hộ cứu nạn.</p> <p>- Cung cấp trang thiết bị cho trạm cứu hộ cứu nạn</p>	<p>Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, đề nghị và kêu gọi đầu tư.</p> <p>- Tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên nghiệp cho đội cứu hộ cứu nạn bãi biển</p> <p>- Khảo sát, mua sắm, cấp phát trang thiết bị cho trạm</p> <p>- Gắn trạm cứu hộ với một số dịch vụ tắm biển để có kinh phí duy trì hoạt động cứu hộ cứu nạn.</p>	<p>Chính quyền, dự án</p>	<p>Dài hạn</p>	<p>Ngân sách Nhà nước, nhà tài trợ.</p>
		<p>Nhà bán kiến cố xuống cấp, thiếu an toàn.</p>	<p>Sửa chữa nâng cấp nhà an toàn trước thiên tai</p>	<p>- Vận động nhân dân đầu tư nâng cấp làm nhà an toàn.</p> <p>- Chính quyền và các tổ chức đoàn thể vận động nguồn</p>	<p>- Chính quyền địa phương, các ngành liên quan</p>	<p>Dài hạn</p>	<p>Dự án, nhà tài trợ, ngân hàng Chính sách xã</p>

				lực giúp hộ nghèo và cận nghèo vay vốn hoặc hỗ trợ vốn để có điều kiện sửa chữa nâng cấp nhà ở an toàn để phòng chống thiên tai.	Chính quyền địa phương, các tổ chức, ban, ngành liên quan		hội, tín dụng.
2.	Làm muối thu nhập thấp ảnh hưởng đến đời sống, một số hộ bỏ nghề không có việc làm.	Giá muối thấp do chất lượng muối kém, Nhà nước chưa có chính sách thu mua muối.	Nâng cao giá muối	- Đề nghị nhà nước bao tiêu sản phẩm muối với giá cả hợp lý (có thể bù giá, trợ giá). - Nâng cao chất lượng muối.	- Chính quyền - Hợp tác xã, người dân	Ngăn hạn	- Nhà nước - Hợp tác xã, người dân
		Thiếu thiết bị làm muối sạch.	Cung cấp thiết bị làm muối sạch.	Đề nghị Nhà nước có cơ chế đầu tư trang thiết bị sản xuất muối sạch.	Chính quyền	Trung hạn	Nhà nước, nhà tài trợ

		<p>Nguồn nước không đảm bảo do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cống Tây Cồn Tàu chưa có đoạn kè chắn cát gây ách tắc dòng chảy. - Hệ thống thủy lợi bị ách tắc. - Cống dây 14 Đồng Hiệu bị vùi lấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm đoạn kè chắn cát biển - Nạo vét khơi thông dòng chảy, tiêu nước cống Tây Cồn Tàu - Phục hồi lại cống dây 14 Đồng Hiệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, lập dự toán kêu gọi nhà đầu tư. - Có kế hoạch để người dân cùng tham gia. - Khảo sát lập kế hoạch dự toán 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền - Chính quyền, Hợp tác xã, người dân - Chính quyền 	<ul style="list-style-type: none"> Trung hạn Trung hạn Trung hạn 	<ul style="list-style-type: none"> Nhà nước, các dự án Ngân sách, Hợp tác xã, người dân Ngân sách, Hợp tác xã, người dân
3.	Thiệt hại chăn nuôi ảnh hưởng đến thu nhập đời sống	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh phát sinh do thời tiết nắng nóng, chuồng trại không đảm bảo vệ sinh, và không phù hợp với thời tiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên vệ sinh chuồng trại. - Làm chuồng trại phù hợp với thời tiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Phun thuốc, dùng vôi khử trùng chuồng trại. Tiêm phòng dịch bệnh - Che chắn chuồng trại vào mùa đông, thoáng 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân, Chính quyền, cán bộ thú y - Người 	<ul style="list-style-type: none"> Ngắn hạn Ngắn hạn 	<ul style="list-style-type: none"> Ngân sách, Người dân Người dân

				mát vào mùa hè.	dân		
		- Giá thức ăn chăn nuôi cao, giá đầu ra thấp	- Giảm giá thức ăn chăn nuôi, bao tiêu sản phẩm đầu ra	- Kiến nghị nhà nước quản lý điều chỉnh giá thức ăn chăn nuôi, có chính sách thu mua tiêu thụ sản phẩm. - Tự chế biến thức ăn chăn nuôi	Chính quyền Người dân	Trung hạn	Nhà nước
4.	Thiệt hại nghề trồng lúa, trồng màu, ảnh hưởng đến thu nhập đời sống	Đất nhiễm mặn, do nước biển thẩm thấu, địa hình trũng thấp.	Khắc phục đất nhiễm mặn.	- Thau chua rửa mặn bằng phân lân, vôi tủa. - Gia cố các cống và kênh mương	- Người dân - Chính quyền, HTX,	Thường xuyên Trung hạn	Người dân Ngân sách, HTX, người dân
		Giá vật tư phục vụ sản xuất cao	Giảm giá vật tư phục vụ sản xuất	Đề nghị Nhà nước có chính sách điều chỉnh giá vật tư phù hợp	Chính quyền	Trung hạn	Nhà nước

			<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chất lượng phân bón thuốc trừ sâu - Nạo vét kênh mương khơi thông dòng chảy 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên kiểm tra chất lượng phân bón thuốc trừ sâu. - Hướng dẫn cho người dân lựa chọn phân bón thuốc trừ sâu đảm bảo chất lượng - Có kế hoạch huy động người dân tham gia nạo vét thường xuyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền, cơ quan chức năng - Chính quyền, HTX, người dân - Chính quyền, HTX, người dân 	<ul style="list-style-type: none"> Trung hạn Ngắn hạn 	<ul style="list-style-type: none"> Ngân sách Ngân sách, HTX, người dân
5	Nuôi trồng thủy hải sản có nguy cơ rủi ro mất vốn.	<ul style="list-style-type: none"> Ô nhiễm nguồn nước do thức ăn dư thừa - Chất lượng thuốc và thức ăn chưa đảm bảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho thức ăn vừa đủ. - Đảm bảo chất lượng thuốc và thức ăn 	<ul style="list-style-type: none"> - Thau nước, vãi vôi, khử tạp, phơi đầm. - Kiểm soát chất lượng thuốc và thức ăn. 	<ul style="list-style-type: none"> Chính quyền Hộ nuôi trồng, Ngân hàng Chính quyền, cơ quan chuyên môn 	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên Thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> Người dân, Ngân hàng Ngân sách
		<ul style="list-style-type: none"> Dịch bệnh tôm, cá 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ngừa bệnh dịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch cụ thể và thông tin kịp thời phòng chống dịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan chuyên môn, Hộ 	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> Hộ nuôi trồng

				bệnh nuôi trồng thủy sản. - Cải tạo môi trường, nguồn nước - Vãi thuốc, thay nước, lắp quạt gió đảo nước để tạo ôxy	nuôi trồng		
	Con giống không đảm bảo chất lượng	đảm bảo chất lượng con giống	- Khuyến khích mở các cơ sở sản xuất giống tại địa phương. - Tìm các cơ sở có uy tín, thương hiệu để mua giống chất lượng cao.	- Chính quyền, cơ quan chuyên môn - Hộ nuôi trồng	Trước mùa vụ	Hộ nuôi trồng	
	Kiến thức nuôi trồng bị hạn chế do ít được tập huấn và ít được học tập chia sẻ kinh nghiệm.	- Năng cao kiến thức nuôi trồng.	- Khảo sát nhu cầu, lập kế hoạch tìm nguồn kinh phí để tổ chức tập huấn, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm - Khảo sát tìm hiểu mô hình nuôi trồng tốt có hiệu quả để tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm.	- Trung tâm học tập cộng đồng và các hộ nuôi trồng.	Thường xuyên	Ngân sách, người dân	
	- Ao đầm chưa kiên cố dễ bị vỡ khi có thiên tai	- Gia cố, nâng cao bờ ao đầm	- Đầu tư vốn để cải tạo nâng cấp bờ ao đầm đảm bảo kỹ thuật. - Có chính	- Hộ nuôi trồng	Trung hạn	Các hộ nuôi trồng Ngân	

				sách cho vay vốn lãi suất thấp.	- Chính quyền		hàng
6	Đánh bắt hải sản ngày càng khó khăn, dẫn đến giảm thu nhập	Cạn kiệt nguồn lợi thủy sản do xung điện, dùng lưới mắt nhỏ đánh bắt.	- Không dùng xung điện và lưới mắt nhỏ đánh bắt thủy hải sản	- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản - Có chế tài xử phạt.	- Chính quyền - Cơ quan có thẩm quyền.	Thường xuyên	Ngân sách
		- Giá xăng dầu cao	- Điều chỉnh giá xăng dầu	- Đề nghị Nhà nước có chính sách hỗ trợ giá xăng dầu cho ngư dân	- Chính quyền	Ngắn hạn	
		- Chìm thuyền do bão gió. - Mất ngư lưới cụ do mất cấp	- Không để chìm thuyền khi có gió bão - Không để mất ngư lưới cụ.	- Theo dõi thông tin dự báo thời tiết, không ra khơi đánh bắt khi có gió bão. - Khi có gió bão thì phải tìm nơi trú ẩn an toàn. - Phối hợp, tăng cường tuần tra bảo vệ, xử lý hành vi trộm cắp	- Ngư dân - Bộ đội biên phòng và Công an tuần tra thường xuyên.	Thường xuyên Thường xuyên	Ngân sách

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam

Được tài trợ bởi USAID, thực hiện bởi Tổ chức Winrock International phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổ chức phát triển Hà Lan SNV, Hội chữ thập đỏ Mỹ, Hội chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm phát triển nông thôn bền vững.

Địa chỉ: Nhà D, Khách sạn Công đoàn Quảng Bá, 98 Tô Ngọc Vân, Tây Hồ, Hà Nội.

Tel: (84-4) 3 718 2127 | Fax: (84-4) 3 718 2075

Email: vfd.info@winrock.org